**GIÁO ÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI**

**LỊCH SỬ 9**

**A. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 1:** | **LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU**1. Những thành tựu chủ yếu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 70 của TK XX.2. Quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. |

**1**. **Những thành tựu chủ yếu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 70 của TK XX.**

 **1.1. Bối cảnh lịch sử:**

 Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tuy là nước thắng trận, nhưng Liên Xô bị chiến tranh tàn phá nặng nề về người và của... bên cạch đó còn phải làm nhiệm vụ giúp đỡ các nước XHCN anh em và phong trào cách mạng thế giới. Bên ngoài, các nước đế quốc - đứng đầu là Mỹ - tiến hành bao vây về kinh tế, cô lập về chính trị, phát động "chiến tranh lạnh", chạy đua vũ trang, chuẩn bị một cuộc chiến tranh nhằm tiêu diệt liên Xô và các nước XHCN.

 Tuy vậy, Liên Xô có thuận lợi: có được sự lãnh đạo của ĐCS và Nhà nước Liên Xô, nhân dân Liên Xô đã lao động quên mình để xây dựng lại đất nước.

 **1.2. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 70 của TK XX, Liên Xô đạt được nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt. Cụ thể:**

 - Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950):

 Hoàn thành kế hoạch 5 năm (1945 - 1950) trong 4 năm 3 tháng. Nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch.

 Đến năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh. Nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh.

 Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử, phá thế độc quyền hạt nhân của Mĩ.

 - Từ năm 1950, Liên Xô thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng CSVC - KT của CNXH và đã thu được nhiều thành tựu to lớn:

 *Về công nghiệp:* bình quân công nghiệp tăng hàng năm là 9,6%. Tới những năm 50, 60 của TK XX, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới sau Mỹ, chiếm khoảng 20% sản lượng công nghiệp thế giới. Một số ngành công nghiệp đứng đầu thế giới: Vũ trụ, điện, nguyên tử…

 *Về nông nghiệp:* có nhiều tiến bộ vượt bậc.

 *Về khoa học - kĩ thuật:* phát triển mạnh, đạt nhiều thành công vang dội: năm 1957 Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo vào quỹ đạo trái đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. Năm 1961 Liên Xô lại là nước đầu tiên phóng thành công con tàu vũ trụ đưa nhà du hành Ga-ga-rin bay vòng quanh trái đất.

 *Về Quân sự:* từ năm 1972 qua một số hiệp ước, hiệp định về hạn chế vũ khí chiến lược, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về quân sự nói chung, hạt nhân nói riêng so với Mĩ và phương Tây.

 *Về Đối ngoại:* thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới và các nước xã hội chủ nghĩa.

 Sau khoảng 30 năm tiến hành khôi phục kinh tế, Đất nước Liên Xô có nhiều biến đổi, đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội ổn định, trình độ học vấn của người dân không ngừng được nâng cao.

 **1.3. Ý nghĩa:**

 Uy tín và địa vị quốc tế của Liên Xô được đề cao, Liên Xô trở thành trụ cột của các nước XHCN, là thành trì của hoà bình, là chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới.

 Làm đảo lộn toàn bộ chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng.

**2. Quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết.**

 **2.1. Bối cảnh lịch sử:**

 Năm 1973, thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng dầu mỏ. Để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, các nước tư bản đã tìm cách cải cách về kinh tế, thích nghi về chính trị, nhờ đó thoát ra khỏi khủng hoảng. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã chậm trễ trong việc đề ra cải cách cần thiết nên bước sang những năm 80 của thế kỉ XX, nền kinh tế Liên Xô ngày càng lún sâu vào tình trạng khó khăn, trì trệ, khủng hoảng.

 Năm 1985, Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô Viết và tiến hành cải tổ. Cuộc cải tổ được tuyên bố như một cuộc cách mạng nhằm sửa chữa những sai lầm trước kia, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và xây dựng một CNXH theo đúng bản chất và ý nghĩa nhân văn đích thực của nó.

 **2.2. Nội dung công cuộc cải tổ:**

 *Về chính trị - xã hội:* thực hiện chế độ Tổng thống nắm mọi quyền lực, thực hiện đa nguyên về chính trị, xoá bỏ chế độ một đảng, tuyên bố dân chủ và công khai mọi mặt.

 *Về kinh tế:* đưa ra nhiều phương án nhưng chưa thực hiện được gì. Kinh tế đất nước vẫn trượt dài trong khủng hoảng.

 **2.3. Kết quả:**

 Công cuộc cải tổ gặp nhiều khó khăn, bế tắc. Suy sụp kinh tế kéo theo suy sụp về chính trị. Chính quyền bất lực, tình hình chính trị bất ổn, tệ nạn xã hội tăng, xung đột sắc tộc luôn sảy ra, nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô chia rẽ...

 Ngày 19 tháng 8 năm 1991, một cuộc đảo chính nhằm lật đổ Tổng thống Goóc-ba-chốp nổ ra nhưng thất bại, hệ quả là Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động, Chính phủ Xô Viết bị giải tán, 11 nước Cộng hoà tách khỏi Liên bang Xô Viết, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Ngày 25 tháng 12 năm 1991, Tổng thống Goóc-ba-chốp từ chức, chế độ XHCN ở Liên Xô bị sụp đổ.

**2.4. Nguyên nhân sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.**

+ Đã xây dựng mô hình CNXH chứa đựng nhiều khuyết tật và sai sót, không phù hợp với quy luật khách quan trên nhiều mặt: kinh tế, xã hội, thiếu dân chủ, thiếu công bằng.

 + Chậm sửa đổi trước những biến động của tình hình thế giới. Khi sửa chữa, thay đổi thì lại mắc những sai lầm nghiêm trọng: rời bỏ nguyên lý đứng đắn của CN Mác-Lênin.

 + Những sai lầm, tha hoá về phẩm chất chính trị, đạo đức của một số nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở một số nước XHCN đã làm biến dạng CNXH, làm mất lòng tin, gây bất mãn trong nhân dân.

 + Hoạt động chống phá CNXH của các thế lực thù định trong và ngoài nước.

 *Đây chỉ là sự sụp đổ của một mô hình CNXH chưa khoa học, chưa nhân văn, là một bước lùi của CNXH chứ không phải là sự sụp đổ của lý tưởng XHCN của loài người. Ngọn cờ của CNXH đã từng tung bay trên khoảng trời rộng lớn, từ bên bờ sông En-bơ đến bờ biển Nam Hải rồi vượt trùng dương rộng lớn đến tận hòn đảo Cu-Ba nhỏ bé anh hùng. Ngọn cờ ấy tuy có dừng tung bay ở bầu trời Liên Xô và một số nước Đông Âu nhưng dồi sẽ lại tung bay trên nhiều khoảng trời mênh mông xa lạ: Bầu trời Đông Nam Á, bầu trời châu Phi, Mỹ La-tinh và ngay cả trên cái nôi ồn ào, náo nhiệt của CNTB phương Tây… Đó là ước mơ của nhân loại tiến bộ và đó cũng là quy luật phát triển tất yếu của lịch sử xã hội loài người.*

**CÂU HỎI ÔN TẬP:**

1. *Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ra đời trong hoàn cảnh nào?*
2. *Nêu những cơ sở hình thành hệ thống XHCN?*
3. *Sự hợp tác tương trợ giữa Liên Xô và Đông Âu được thể hiện như thế nào?*
4. *Sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu đưa đến hậu quả gì?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 2** | **PTGPDT Ở Á, Phi, Mĩ La-tinh (1945 - những năm 90 của thế kỉ XX.**1. Các giai đoạn phát triển.2. Đặc điểm chung.3. Nhận xét đặc điểm chung (quy mô, thành phần tham gia lãnh đạo, hình thức và khí thế đấu tranh. |

1. Các giai đoạn phát triển

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Giai đoạn** | **Đặc điểm** | **Sự kiện tiêu biểu** |
| **1** |  Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX |  Đấu tranh nhằm đập tan hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. | - ĐNA: các nước In-đô-nê-xia, Việt Nam, Lào tuyên bố độc lập trong năm 1945.- Ngày 1-1-1959, cách mạng CuBa thắng lợi.- Năm 1960: 17 nước tuyên bố độc lập, thế giới gọi là “năm châu Phi”=> Tới giữa những năm 60 của TK XX, hệ thống thuộc địa của CNTD cơ bản sụp đổ. |
| 2 |  Giai đoạn từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX |  Đấu tranh nhằm lật đổ ách thống trị của TD Bồ Đào Nha của nhân dân ba nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ghi-nê Bít-xao. | - Phong trào đấu tranh vũ trang ở ba nước này bùng nổ -> năm 1974, ách thống trị của TD Bồ Đào Nha bị lật đổ. |
| **3** |  Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX |  Đấu tranh nhằm xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) ở Cộng hoà Nam Phi, Dim-ba-bu-ê và Na-mi-bi-a | - Chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ: Rô-đê-di-a năm 1980 (nay là Cộng hoà Dim-ba-bu-ê), Tây Nam Phi năm 1990 ( nay là Cộng hoà Na-mi-bi-a) và Cộng hoà Nam Phi năm 1993. |

 **2. Đặc điểm chung:**

- Là những khu vực đông dân, có nguồn lao động dồi dào, lãnh thổ rộng lớn với nguồn tài nguyên thiên nhiên hết sức phong phú.

 - Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực này đều trở thành thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của các đế quốc Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Hà Lan, Bồ Đào Nha…

 **-** Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực này đều giành được độc lập dân tộc, họ bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước để từng bước củng cố nền độc lập về kinh tế và chính trị, nhằm thoát khỏi sự khống chế, lệ thuộc vào các thế lực đế quốc bên ngoài, đặc biệt là Mĩ.

 **3. Nhận xét đặc điểm chung**

 - Quy mô phong trào: bùng nổ ở hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, từ châu Á, châu Phi đến khu vực Mĩ La-tinh.

 - Thành phần tham gia lãnh đạo: Đông đảo các giai cấp tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc (VN: vô sản)

 - Hình thức và khí thế đấu tranh: đấu tranh vũ trang, chính trị… trong đó đấu tranh vũ trang là hình thức chủ yếu. Phong trào nổ ra sôi nổi, quyết liệt làm tan rã từng mảng rồi dẫn đến sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 3** | **CÁC NƯỚC CHÂU Á (TRUNG QUỐC)**1. Tình hình chung (SGK)2. Trung Quốc |

**1. Tình hình chung (SGK)**

**2. Trung Quốc.**

 **2.1. Sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

 Sau cuộc kháng chiến chống Nhật thắng lợi, Trung Quốc lâm vào cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và tập đoàn Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch.

 Sau một thời gian nhường đất để phát triển lực lượng, giữa năm 1949 Đảng Cộng sản tổ chức phản công trên toàn mặt trận. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch liên tiếp thất bại, bỏ chạy ra đảo Đài Loan, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thắng lợi.

 Ngày 1 tháng 10 năm 1949, trước Quảng trường Thiên An Môn, Mao Trạch Đông đọc bản tuyên ngôn khai sinh nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

 ***Ý nghĩa:*** Kết thúc 100 năm đô hộ của đế quốc và 1000 nô dịch của phong kiến, đưa đất nước Trung Quốc bước vào kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Đối với thế giới, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời đã tăng cường cho phe XHCN và làm cho hệ thống CNXH được nối liền từ châu Âu sang châu Á.

 **2.2. Công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc:**

 ***\* Bối cảnh lịch sử:***

 Từ năm 1959 - 1978, đất nước Trung Quốc lâm vào thời kì biến động toàn diện. Chính điều này đòi hỏi Đảng và Nhà nước Trung Quốc phải đổi mới để đưa đất nước đi lên. Tháng 12-1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối cải cách - mở cửa: Đường lối mới. Chủ trương xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách mở cửa.

 ***\* Thành tựu:***

 + Kinh tế phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới (GDP tăng 9,6%).

 + Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.

 + Chính trị-xã hội: ổn định, uy tín, địa vị quốc tế của TQ được nâng cao.

 + Đối ngoại: bình thường hoá quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, thu hồi Hồng Công, Ma Cao.

 + Đạt nhiều thành tựu trong phát triển khoa học kỹ thuật, phóng tàu, đưa người lên vũ trụ để nghiên cứu KHKT (Là nước thứ 3 trên thế giới)

 + Có quan hệ tốt với Việt Nam, các vị nguyên thủ quốc gia đã đến thăm 2 nước, thực hiện 16 chữ vàng: *“Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”*

 **\* Ý nghĩa:**

 Khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới của Trung Quốc, góp phần củng cố sức mạnh và địa vị của trung Quốc trên trường quốc tế, đồng thời tạo điều kiện cho Trung Quốc hội nhập với thế giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và ngược lại thế giới có cơ hội tiếp cận với một thị trường rộng lớn đầy tiềm năng như Trung Quốc.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

*1) Sự khác nhau trong mục tiêu đấu tranh của các nước châu Á, châu Phi khác Mỹ La-tinh? Vì sao có sự khác nhau đó?*

*2) Trình bày thời kì biến động không ổn định của Trung Quốc từ 1959 – 1978? Hậu quả của nó?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 4** | **CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á**1. Tình hình chung2. ASEAN |

**1. Tình hình chung**

 **1.1. Trước chiến tranh thế giới thứ hai:**

 **-** Hầu hết các nước ĐNA (Trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của các nước tư bản Anh, Pháp, Mĩ, Hà Lan…

 - Khi chiến tranh lan rộng toàn thế giới, (12 - 1941), các nước ĐNA lại bị quân Nhật chiếm đóng, thống trị và gây nhiều tội ác đối với nhân dân các nước ở khu vực này. Cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật đã bùng lên mạnh mẽ ở khắp nơi.

 - Lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh (8/1945), nhân dân các nước ĐNA đã nổi dậy giành chính quyền (điển hình là VN).

 **1.2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.**

 - Ngay sau khi Nhật đầu hàng, các nước ĐNA nổi dậy giành độc lập.

 - Sau đó, các nước đế quốc trở lại xâm lược, nhân dân các nước ĐNA tiến hành kháng chiến chống xâm lược, đến giữa những năm 50, các nước ĐNA lần lượt giành được độc lập dân tộc.

- Cũng từ giữa những năm 50, đế quốc Mĩ can thiệp vào khu vực ĐNA, tiến hành xâm lược VN, Lào, CPC.

 - Từ giữa những năm 50, các nước ĐNS có sự phân hóa trong đường lối đối ngoại: một số nước tham gia khối quân sự SEATO, trở thành đồng minh của Mĩ như Thái Lan. Philippin, một số nước thi hành chính sách hòa bình trung lập như In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.

**2. Hiệp hội các nước Đông Nam Á - ASEAN** (8/8/1967)

 *Khu vực Đông Nam Á hiện nay gồm 11 quốc gia: Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây, Phi-líp-pin và Đông Ti-mo.*

 **1.1. Hoàn cảnh:**

 Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh khu vực và thế giới đang quốc tế hoá cao độ.

 Sau khi giành độc lập, đứng trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhiều nước ĐNA chủ trương thành lập một tổ chức liên minh khu vực nhằm cùng nhau hợp tác phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

 Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN) được thành lập tại thủ đô Băng Cốc-Thái Lan với sự tham gia sáng lập của năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan

 **1.2. Mục tiêu hoạt động:** Phát triển kinh tế - văn hoá thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

 **1.3. Nguyên tắc hoạt động:**

 + Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

 + Giải quyết mọi tranh chấp bằng phương pháp hoà bình.

 + Hợp tác cùng phát triển.

 **1.4. Quá trình phát triển của ASEAN:**

 Trong giai đoạn đầu (1967-1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

 Sau cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ba nước Đông Dương (1975), quan hệ Đông Dương-ASEAN được cải thiện, bắt đầu có những cuộc viếng thăm ngoại giao.

 Năm 1984, Bru-nây trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.

 Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, thế giới bước vào thời kì sau "chiến tranh lạnh" và vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, tình hình chính trị ĐNA được cải thiện. Xu hướng nổi bật là mở rộng thành viên ASEAN.

 Ngày 28/7/1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.

 Tháng 9/1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN.

 Tháng 4/1999, Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 của tổ chức này.

 Lần đầu tiên trong lịch sử khu vực, 10 nước Đông Nam Á cùng đứng trong một tổ chức thống nhất. Trên cơ sở đó, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, quyết định biến Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do (AFTA), lập diễn đàn khu vực(ARF) nhằm tạo một môi trường hoà bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của Đông Nam Á.

 Như vậy, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á.

 **1.5. Quan hệ Việt Nam – ASEAN:**

 Quan hệ Việt Nam – ASEAN diễn ra phức tạp, có lúc hòa dịu, có lúc căng thẳng tùy theo sự biến động của quốc tế và khu vực, nhất là tình hình phức tạp ở Cam-pu-chia.

 Từ cuối những năm 1980 của thế kỉ XX, ASEAN đã chuyển từ chính sách “đối đầu” sang ‘’đối thoại”, hợp tác với ba nước Đông Dương. Từ khi vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại “Muốn là bạn với tất cả các nước”, quan hệ Việt Nam – ASEAN được cải thiện.

 Tháng 7/1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước Ba-li, đánh dấu một bước mới trong quan hệ Việt Nam – ASEAN và quan hệ khu vực.

 Ngày 28/7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN, mối quan hệ Việt Nam và các nước trong khu vực là mối quan hệ trên tất cả các mặt, các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, khoa học, kĩ thuật… và nó ngày càng được đẩy mạnh.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

*1) Những biến đổi của các nước ĐNA sau chiến tranh thế giới thứ hai? Biến đổi nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

*2) Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN?*

*3) Việt Nam gia nhập ASEAN: Thời cơ và thách thức?*

*4) Tại sao có thể nói: Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, "một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á”?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 5** | **CÁC NƯỚC CHÂU PHI***57 quốc gia, 32 nước xếp vào nhóm nghèo nhất thế giới, 2/3 dân số châu Phi không đủ ăn, ¼ dân số đói kinh niên (150 triệu người).*1. Tình hình chung2. Cộng hòa Nam Phi. |

**1. Tình hình chung.**

**1.1. Những nét chính về cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi sau 1945.**

 Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước châu Phi là thuộc địa của thực dân phương Tây.

 Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập ở châu Phi lên cao. Phong trào nổ ra sớm nhất là ở vùng Bắc Phi, nơi có trình độ phát triển cao hơn các vùng khác trong châu lục. Mở đầu là cuộc binh biến của các sĩ quan yêu nước Ai Cập(7/1952), lật đổ chế độ quân chủ và tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Ai Cập (18/6/1953).

 Tiếp đó là cuộc đấu tranh vũ trang kéo dài từ năm 1954 đến năm 1962 của nhân dân An-giê-ri, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp giành lại độc lập dân tộc.

 Trong năm 1960, 17 nước châu Phi giành được độc lập. Vì vậy, thế giới gọi năm 1960 là "Năm châu Phi". Từ đó hệ thống thuộc địa của các đế quốc lần lượt tan rã, các dân tộc châu Phi giành được độc lập, chủ quyền.

**1.2. Những khó khăn của châu Phi hiện nay:**

- Luôn trong tình thế bất ổn: Xung đột, nội chiến, đói nghèo, nợ nần, chồng chất và bệnh tật.

 - Tỉ lệ tăng dân số cao nhất thế giới (Ru-an-da)

 - Tỉ lệ người mù chữ cao nhất thế giới. (Ghi-nê, Xê-nê-gan…)

 **2. Cộng hòa Nam Phi.**

 **2.1 Đôi nét về CHNP.**

 - Nằm ở cực Nam châu Phi

 - S: 1.2 triệu Km2, DS: 43,6 triệu người (2002), trong đó: 75.2 % người da đen, 13.6 % người da trắng, 11.2 % người da màu.

 - Năm 1662, người Hà Lan đến Nam Phi lập xứ thuộc địa kép.

 - Đầu thế kỉ XX, Anh chiếm.

 - 1910, Liên bang Nam Phi được thành lập, nằm trong khối Liên hiệp Anh.

 - 1951, Liên bang Nam Phi rút khỏi Liên hiệp Anh, thành lập CHNP.

 **2.2 Tình cảnh CHNP trước 1994. Hậu quả của nó.**

 - Trên danh nghĩa là một nước độc lập, song phần lớn người da đen và da màu (80% dân số) sống trong cảnh cơ cực, tủi nhục bởi những chính sách phân biệt kì thị chủng tộc của chính quyền thực dân da trắng.

 - Hậu quả: Họ bị tước hết mọi quyền công dân, phải ở khu cách biệt với người da trắng, chịu xử tội theo pháp luật riêng. Không có quyền sở hữu lớn về tài sản, cuộc sống vất vả, cực khổ.

 **2.3. Vài nét về ANC Nen-xơn Man-dê-la.**

 - Sinh năm 1918, năm 1944 gia nhập Đại hội dân tộc Phi, sau đó giữ chức vụ Tổng bí thư ANC. Năm 1964, bị nhà cầm quyền Nam Phi kết án tù chung thân.

 - Trước cuộc đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ phân biệt chủng tộc A-pac-thai của nhân dân CHNP và sự ủng hộ của loại người tiến bộ, buộc nhà cầm quyền Nam Phi phải trả tự do cho ông (2/1990), công nhận quyền hợp pháp của ANC và các đảng phái chính trị chống A-pac-thai. Quốc hội Nam Phi buộc phải xóa bỏ hầu hết các đạo luật phân biệt chủng tộc.

 - Sau khi ra tù, ông được bầu làm phó chủ tịch, rồi chủ tịch ANC (9/1991). Tháng 4/1994, trong cuộc tổng tuyển cử đa sắc tộc đầu tiên ở Nam Phi, ANC giành được thắng lợi áp đảo. Ngày 9/5/1995, ông được bầu làm tổng thống CHNP.

**CÂU HỎI ÔN TẬP.**

 *1) Những nét chính về cuộc đấu tranh chống chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi? Kết quả?*

*2) So sánh đặc điểm phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 6** | **CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH**1. Tình hình chung2. Cu-Ba : Hòn đảo anh hùng. |

**1. Những nét chung.**

 **1.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội.**

 **1.2. Những nét nổi bật sau chiến tranh.**

**2. Cu-Ba: Hòn đảo anh hùng.**

 **2.1. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Cu Ba (1945-1959)**

 **2.1.1. Nguyên nhân:**

 Sau chiến tranh thế giới thứ hai, được sự giúp đỡ của Mĩ, tháng 3/1952, Tướng Ba-ti-xta tiến hành đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự. Chính quyền Ba-ti-xta đã xoá bỏ Hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái hoạt động, giết hại, giam cầm hàng chục vạn người yêu nước. Dưới chế độ độc tài Ba-ti-xta, đất nước Cu Ba bị biến thành trại tập trung, xưởng đúc súng khổng lồ.

 Không cam chịu dưới ách thống trị của chế độ độc tài, nhân dân Cu Ba đã vùng dậy đấu tranh.

 **2.1.2. Diễn biến:**

 Ngày 26-7-1953, 135 thanh niên yêu nước dưới sự chỉ huy của luật sư trẻ tuổi Phi-đen Ca-xtơ-rô đã tấn công vào pháo đài Môn-ca-đa. Cuộc tấn công không giành được thắng lợi (Phi-đen Ca-xtơ-rô bị bắt giam và sau đó bị trục xuất sang Mê-hi-cô), nhưng mở đầu cho giai đoạn phát triển mới của của cách mạng Cu Ba.

 Năm 1955, Phi-đen Cat-xtơ-rô được trả tự do và bị trục xuất sang Mê-hi-cô. Ở đây Ông đã thành lập tổ chức cách mạng lấy tên "phong trào 26/7", tập hợp các chiến sĩ yêu nước, luyện tập quân sự.

 Năm 1956, Phi-đen Ca-xtơ-rô cùng 81 chiến sĩ yêu nước từ Mê-hi-cô trở về tổ quốc. Bị địch bao vây, tấn công, nhiều đồng chí hi sinh, chỉ còn 12 người, trong đó có Phi-đen. Sau đó Ông cùng 11 đồng chí rút về xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng rừng núi phía Tây của Cu Ba.

 Dưới sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và lan rộng ra cả nước. Ngày 1-1-1959, nghĩa quân tiến vào thủ đô La-ha-ba-la, lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta. Cách mạng Cu Ba giành được thắng lợi hoàn toàn.

 **2.1.3. Ý nghĩa:** Mở ra kỉ nguyên mới với nhân dân Cu Ba: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Cu Ba trở thành lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh và cắm mốc đầu tiên của CNXH ở Tây bán cầu.

 **2.2. Công cuộc xây dựng đất nước** (1959-2000)

 Sau ngày cách mạng thắng lợi, chính phủ cách mạng lâm thời Cu Ba do Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu đã tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để: cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền các cấp, xoá nạn mù chữ, phát triển giáo dục...

 Để tiêu diệt cách mạng Cu Ba, năm 1961, Mĩ cho một đội quân đánh thuê đổ bộ nên bãi biển Hi-rôn nhưng bị quân dân Cu Ba đánh bại. Sau thắng lợi này, Phi-đen Ca-xtơ-rô tuyên bố Cu Ba tiến lên CNXH.

 Mặc dù bị Mĩ bao vây cấm vận, nhưng nhân dân Cu Ba vẫn giành được những thắng lợi to lớn: xây dựng được một nền công nghiệp với cơ cấu các nghành hợp lý, một nền nông nghiệp đa dạng, văn hoá, y tế, giáo dục, thể thao phát triển mạnh mẽ, đạt trình độ cao của thế giới.

 Sau khi Liên Xô tan rã, Cu Ba trải qua thời kì khó khăn. Nhưng với ý chí của toàn dân, với những cải cách điều chỉnh, đất nước Cu Ba đã vượt qua khó khăn, tiếp tục đưa đất nước phát triển đi lên.

 **2.3. Mối quan hệ hữa nghị giữa nhân dân Cu-Ba với nhân dân Việt Nam.**

 - Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta, Phi-đen Ca-xto-rô là nguyên thủ nước ngoài duy nhất đã vào tuyến lửa Quảng Trị để động viên nhân dân ta.

 - Bằng trái tim và tình cảm chân thành, Phi-đen và nhân dân Cu-Ba luôn ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam: “Vì Việt Nam, Cu-Ba sản sàng hiến cả máu”.

 - Cu Ba đã các chuyên gia, bác sĩ nghiên cứu bệnh sốt rét, mổ cho các thương binh ở chiến trường.

 - Sau 1975, Cu-Ba đã giúp nhân dân Việt Nam xây dựng thành phố Vinh, bệnh viện Cu-Ba ở Đồng Hới (Q.Bình).

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 7** | **NƯỚC MĨ**1. Tình hình kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.2. Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật.3. Chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ. |

**1. Tình hình kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.**

 **1.1. Nguyên nhân:**

+ Tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ cao, năng đông sáng tạo.

 + Nhờ chiến tranh thế giới thứ hai, buôn bán vũ kí cho hai bên để kiếm lời…

 + Áp dụng thành tựu KH - KT vào sản xuất, điều chỉnh sản xuất, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm…

 + Trình độ quản lý trong sản xuất và tập trung tư bản rất cao.

 + Vai trò điều tiết của nhà nước - đây là nguyên nhân quan trọng tạo nên sự phát triển kinh tế Mĩ.

 + Ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác: chính sách thu hút các nhà khoa học, người lao động có trình độ cao đến với Mĩ, điều kiên quốc tế thuận lợi. Mĩ không bị chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá, được hai đại dương Đại Tây Dương và Thái Bình Dương bao bọc và che chở, nước Mĩ có điều kiện yên bình để sản xuất. Vì vậy, sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

 **1.2 Biểu hiện.**

 - Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của toàn thế giới:

 + Công nghiệp: chiếm 56,47% sản lượng công nghiệp thế giới.

 + Nông nghiệp gấp 2 lần sản lượng nông nghiệp 5 nước Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật cộng lại.

 + Tài chính: chiếm 3/4 trữ lượng vàng thế giới, là chủ nợ duy nhất của thế giới.

 + Quân sự: Mĩ có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới với các loại vũ khí hiện đại, độc quyền về vũ khí hạt nhân.

 - *Từ những năm 70 trở đi, Mĩ không còn giữ ưu thế tuyệt đối vì bị Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh, kinh tế Mĩ luôn vấp phải những cuộc suy thoái khủng hoảng, chi phí quân sự lớn, chênh lệch giàu nghèo...*

 **2. Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật Mĩ sau chiến tranh.**

 Nước Mĩ là nơi khởi đầu cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai, diễn ra từ giữa những năm 40 của thế kỉ XX. Đồng thời, Mĩ cũng là nước đi đầu về khoa học - kĩ thuật và công nghệ trên thế giới, đạt nhiều thành tựu có ý nghĩa to lớn đối với đời sống con người:

+ Sáng chế ra các công cụ sản xuất mới: máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động.

 + Tìm ra các nguồn năng lượng mới: nguyên tử và mặt trời...

 + Sản xuất ra những vật liệu tổng hợp mới: chất dẻo pôlime.

 + Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp.

 + Cách mạng trong giao thông và thông tin liên lạc, trong công cuộc chinh phục vũ trụ (đưa người lên mặt trăng...)

 + Sản xuất ra các loại vũ khí hiện đại.

 Những thành tựu trong khoa học-kĩ thuật, công nghệ được Mĩ áp dụng vào trong sản xuất. Kết quả là kinh tế Mĩ tăng trưởng nhanh chóng, nâng cao thu nhập, làm đời sống tinh thần, vật chất của người dân được nâng cao.

 **3. Chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh:**

 Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các đời tổng thống Mĩ đều đề ra "chiến lược toàn cầu" phản cách mạng nhằm chống phá các nước CNXH, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị của Mĩ trên thế giới.

 Để thực hiện "chiến lược toàn cầu" Mĩ tiến hành "viện trợ" để lôi kéo, khống chế các nước nhận viện trợ, lập các khối quân sự, chạy đua vũ trang, gây chiến tranh xâm lược...

 Trong việc thực hiện "Chiến lược toàn cầu" Mĩ đã gặp nhiều thất bại nặng nề, tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mặt khác, Mĩ cũng thực hiện thành công phần nào mưu đó của mình, như góp phần làm tan rã chế độ CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

 Sau khi Liên Xô tan rã, Mĩ ráo riết thiết lập trật tự thế giới mới "Đơn cực" nhưng thất bại.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. *Tại sao nước Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng KH – KT lần thứ 2?*
2. *Những nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu tương đối của Mĩ ?*
3. *Thái độ của nhân dân Mĩ trước chính sách đối nội của chính phủ Mĩ? Kết quả của việc thực hiện chính sách đối ngoại của Mĩ?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 8** | **NHẬT BẢN**1. Cuộc cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh.2. Tình hình kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh.3. Chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật Bản. |

**1. Cuộc cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh**.

 **1.1. Nội dung.**

- Ban hành hiến pháp 1946 với nhiều nội dung tiến bộ.

 - Cải cách ruộng đất (1946 – 1949).

 - Xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị tội phạm chiến tranh.

 - Giải giáp lực lượng vũ trang.

 - Giải thể các công ty độc quyền lớn.

 - Thanh lọc các phần tử phát xít ra khỏi cơ quan nhà nước.

 - Ban hành các quyền tự do dân chủ.

 **1.2. Ý nghĩa:**

 - Chuyển từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ, tạo nên sự phát triển thần kì về kinh tế.

 - Mạng lại niềm hi vọng mới đối với các tầng lớp nhân dân, là nhân tố quan trọng đưa nước Nhật phát triển sau này.

**2. Tình hình kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai.**

 **2.1. Thuận lợi:**

 + Chính phủ Nhật Bản tiến hành một loạt các cải cách dân chủ.

 + Nhờ những đơn đặt hàng "béo bở" của Mĩ trong hai cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam. Đây được coi là "ngọn gió thần" đối với kinh tế Nhật.

 **2.2. Thành tựu:**

 - Từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX trở đi, nền kinh tế Nhật tăng trưởng một cách "thần kì", vượt qua các nước Tây Âu, Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa:

 + Về tổng sản phẩm quốc dân: năm 1950 chỉ đạt được 20 tỉ USD, nhưng đến năm 1968 đó đạt tới 183 tỉ USD, vươn lên đứng thứ hai thế giới sau Mĩ. Năm 1990, thu nhập bình quân đầu người đạt 23.796 USD, vượt Mĩ đứng thứ hai thế giới sau Thuỵ Sĩ (29.850 USD)

 + Về công nghiệp, trong những năm 1950-1960, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 15%, những năm 1961-1970 là 13,5%.

 + Về nông nghiệp, những năm 1967-1969, Nhật tự cung cấp được hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước...

 - Tới những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

 **2.3 Nguyên nhân của sự phát triển đó:**

 + Vai trò điều tiết của nhà nước: đề ra các chiến lược phát triển kinh tế vĩ mô, biết sử dụng, tận dung hợp lý các nguồn vay, vốn đầu tư nước ngoài..

 + Bản tính con người Nhật: cần cù, chịu khó, ham học hỏi, có trách nhiệm, biết tiết kiệm, lo xa...

 + Các công ty Nhật năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt, tập trung sản xuất cao.

 + Áp dụng những thành tựu khoa học-kĩ thuật vào sản xuất.

 + Ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác: truyền thống văn hoá - giáo dục lâu đời, nhờ chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam; chi phí ít cho quân sự, đầu tư nước ngoài…

 - Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật có hạn chế: Nghèo tài nguyên, hầu hết năng lượng, nguyên vật liệu đều phải nhập từ bên ngoài. Nền kinh tế mất cân đối, thường xuyên vấp phải những cuộc suy thoái, Mặt khác Nhật Bản vấp phải sự cạnh tranh, chèn ép của Mĩ, Tây Âu và nhiều nước công nghiệp mới nổi...

 Có thể nói, sự tăng trưởng của nền kinh tế Nhật hơn nửa thập kỉ qua đã để lại sự kính nể của bạn bè thế giới. Bài học về khắc phục chiến tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển của Nhật là bài học quý giá đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay...

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. *Những khó khăn và hạn chế của kinh tế Nhật Bản là gì?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 9** | **CÁC NƯỚC TÂY ÂU**1. Tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh TG2.2. Sự liên kết khu vực |

**1. Tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh TG2.**

 - Bị thiệt hại nặng nề trong cuộc chiến tranh.

 - Các nước đều là con nợ của Mĩ.

 - Năm 1916, 16 nước Tây Âu nhận viện trợ của Mĩ theo kế hoạch Mác-san.

 - Giai cấp TS tìm cách thu hẹp các quyền tự do dân chủ, ngăn cản phong trào công nhân và phong trào dân chủ.

 - Những năm đầu sau chiến tranh, nhiều nước Tây Âu tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược trở lại để khôi phục ách thống trị của mình đối với các nước thuộc địa.

 - Các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO), chạy đua vũ trang nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

 - Nước Đức bị phân chia làm hai: CHLBĐ và CHDCĐ (1949). Mĩ, Anh, Pháp dốc sức viện trợ cho CHLBĐ. Nhờ đó, nền kinh tế CHLBĐ phục hồi và phát triển nhanh chóng vươn lên đứng hàng thứ ba trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Ngày 3/10/1990, nước Đức được thống nhất, trở thành quốc gia có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất Tây Âu.

**2**. **Sự liên kết khu vực ở châu Âu.**

 **2.1. Nguyên nhân:**

 Các nước Tây Âu đều có chung một nền văn minh, có nền kinh tế không cách biệt nhau lắm và từ lâu đã có mối liên hệ mật thiết với nhau. Trong xu thế toàn cầu hoá, đặc biệt là dưới tác động của cách mạng KH-KT, hợp tác phát triển là cần thiết.

 Từ năm 1950, sau khi nền kinh tế được phục hồi và bắt đầu phát triển, các nước Tây Âu cần phải đoàn kết nhau lại để thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ và cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

 **2.2. Quá trình liên kết:**

 + Khởi đầu Là sự ra đời của "Cộng đồng than, thép châu Âu" (4/1951).

 + Tháng 3/1957, sáu nước Pháp, Đước, I-ta-li-a, Hà Lan và Lúc-xăm-bua cùng nhau thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu", rồi "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC) nhằm hình thành "một thị trường chung".

 + Năm 1967, ba cộng đồng trên sáp nhập với nhau thành Cộng đồng châu Âu. (viết tắt theo tiếng Anh là EC)

 + Tháng 12/1991, các thành viên EC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Maxtrích, nhằm thống nhất châu Âu, quyết định đổi tên thành EU và sử dụng đồng tiền chung châu Âu (EURO).

 Hiện nay, sau nhiều năm thành lập và hoạt động, liên minh châu Âu đã trở thành một liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất thế giới, tổ chức chặt chẽ nhất và là một trong ba trung tâm kinh tế thế giới. Năm 1999, số nước thành viên của tổ chức này là 15, đến năm 2004 là 25 nước.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. *Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình nước Đức có gì đặc biệt?*

*2) Vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau? Nêu các mốc thời gian liên kết ở khu vực này?*

*3) Hãy cho biết mốc thời gian thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 10**  | ***Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay***1. Hội nghị I-an-ta2. Liên hợp quốc3. Chiến tranh lạnh4. Thế giới sau Chiến tranh lạnh |

**1. Sự hình thành trật tự thế giới mới - Ianta.**

 **1.1. Hoàn cảnh lịch sử :**

 Đầu năm 1945, khi chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề tranh chấp trong nội bộ phe đồng minh nổi lên gay gắt.

 Trong bối cảnh đó, tháng 2 năm 1945, Hội nghị cấp cao ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh được triệu tập ở I-an-ta (Liên Xô) từ ngày 4 đến 11/2/1945.

 **1.2. Nội dung Hội nghị:**

 Hội nghị đã thông qua những quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ:

 + Về việc kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai: Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, chủ nghĩa quân phiệt Nhật để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

 + Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để giữ gìn hoà bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh.

 + Thoả thuận việc đóng quân tại các nước phát xít chiến bại và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước chiến thắng.

 Ở châu Âu: Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát vùng Đông Đức và phía đông châu Âu (Đông Âu); Vùng Tây Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Anh.

 Ở châu Á:Duy trì nguyên trạng lãnh thổ Mông Cổ, trả lại Liên Xô phía nam đảo Xa-kha-lin, trao trả cho Trung Quốc những đất đai bị Nhật chiếm đóng trước đây (như Đài Loan, Mãn Châu...) thành lập Chính phủ liên hợp dân tộc gồm Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

 Triều Tiên được công nhận là một quốc gia độc lập nhưng tạm thời quân đội Liên Xô và Mĩ chia nhau kiểm soát và đóng quân ở Bắc và Nam vĩ tuyến 38.

 Các vùng còn lại ở châu Á (Đông Nam Á, Nam Á...) vẫn thuộc phạm vi của các nước phương Tây.

 Những quyết định trên của Hội nghị I-an-ta đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới được gọi là “Trật tự hai cực I-an-ta” do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.

**2. Tổ chức Liên Hợp Quốc.**

 **2.1. Hoàn cảnh ra đời:**

 + Tại hội nghị I-an-ta (tháng 2-1945), các đại biểu đã nhất trí thành lập một tổ chức quốc tế mới là Liên hợp quốc.

 + Từ 25 - 4 đến 26-4-1945, đại biểu 50 nước họp ở Xan phran-xi-xcô (Mĩ) để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc và thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

**2.2. Mục đích và nhiệm vụ của Liên hợp quốc:**

 + Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

 + Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc.

 + Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội, và nhân đạo.

**2.3. Vai trò của Liên hợp quốc:**

 Từ năm 1945 đến nay, Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất, giữ vai trò quan trọng trong việc:

 + Giữ giữ hoà bình, an ninh quốc tế. Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

 + Đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

 + Phát triển các mối quan hệ, giao lưu giữa cac quốc gia.

 + Giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học-kỹ thuật...nhất là đối với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

 Tháng 9-1977 Việt Nam tham gia Liên hợp quốc.

**3. "Chiến tranh lạnh".**

**3.1. Hoàn cảnh lịch sử:**

 Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ và Liên Xô ngày càng mâu thuẫn và đối đầu gay gắt.

 Tháng 3-1947, Tổng thống Mĩ Tơ-ru-man chính thức phát động “Chiến tranh lạnh”, chống Liên Xô và các nước XHCN, thực hiện chiến lược toàn cầu.

 “Chiến tranh lạnh” là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xó hội chủ nghĩa.

 **3.2. Những biểu hiện của tình trạng “Chiến tranh lạnh”.**

 Mĩ và các nước đế quốc chạy đua vũ trang, chuẩn bị cuộc “Chiến tranh tổng lực” nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước XHCN.

 Tăng cường ngân sách quân sự, thành lập các khối quân sự, cùng các căn cứ quân sự bao quanh Liên Xô và các nước XHCN (NATO, SEATO, CENTO, AUZUS, Khối quân sự Tây bán cầu, Liên minh Mĩ-Nhật...)

 Bao vây kinh tế, cô lập về chính trị đối với Liên Xô và các nước XHCN, tạo ra sự căng thẳng phức tạp trong các mối quan hệ quốc tế.

 Liên tiếp gây ra các cuộc chiến tranh xâm lược (Triều tiên, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Trung Đông...) hoặc can thiệp vũ trang (Cu Ba, Grê-na-đa, Pa-na-ma...).

 **3.3. Hậu quả:**

 Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, thậm chí có lúc đứng trước nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh thế giới mới.

 Các cường quốc đã chi một khối lượng khổng lồ tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí huỷ diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự, trong khi nhân loại vẫn phải chịu bao khó khăn do đói nghèo, dịch bệnh, thiên tai...

**4. Thế giới sau Chiến tranh lạnh**

 **4.1. Xô – Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh.**

 **-** Cuộc chạy đua vũ trang trong suốt 40 năm đã làm cho hai nước Xô – Mĩ đều suy giảm mạnh về nhiều mặt so với các nước đế quốc khác, nhất là Nhật Bản và Tây Âu.

 - Xô – Mĩ muốn thoát khỏi thế đối đầu và có cục diện để vươn lên đối phó với Đức, Nhật Bản và khối thị trường chúng châu Âu.

 - Hai nước Xô – Mĩ cần hợp tác để góp phần quyết định những vấn đề bức thiết của toàn cầu.

 *Do đó năm 1989, Tổng thống Mĩ Goóc-giơ Bus và Bí thư đảng cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp có cuộc gặp gỡ tại Man – Ta (Địa Trung hải), hai bên cùng bàn và đi đến chấm dứt chiến tranh lạnh.*

 **4.2. Xu hướng phát triển của thế giới ngày nay. Thời cơ và thách thức.**

**+** Hoà hoãn, hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

+ Thế giới đang tiến tới xác lập trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm. Tuy vậy Mĩ tìm mọi cách duy trì thế một cực nhưng thất bại.

+ Các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.

+ Thế giới luôn xảy ra các cuộc xung đột, khủng bố và li khai.

Xu thế chung: Hoà bình, hợp tác cùng phát triển - đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với tất cả các dân tộc khi bước vào thế kỉ XIX, trong đó có Việt Nam.

 **4.3. Xu thế hợp tác vừa là thời cơ, vừa là thách thức của các dân tộc. Nhiệm vụ của nước ta hiện nay là gì.**

+ Thời cơ: có điều kiện để hội nhập vào nền kinh tế của thế giới và khu vực, có điều kiện rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển, áp dụng thành tựu KH -KT vào sản xuất...

+ Thách thức: nếu không chớp thời cơ để phát triển sẽ tụt hậu, hội nhập sẽ hoà tan, đánh mất bản sắc dân tộc...

+ Nhiệm vụ to lớn nhất của nhân dân ta hiện nay: tập trung sức lực triển khai lực lượng sản xuất, làm ra nhiều của cải vật chất để chiến thắng đói nghèo và lạc hậu, đem lại ấm no, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. *Hãy trình bày hoàn cảnh, nội dung và hệ quả của Hội nghị I-an-ta?Tại sao nói Hội nghị I-an-ta là một “Hội nghị lịch sử?*
2. *Hãy trình bày hoàn cảnh ra đời, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động của LHQ? Những việc làm của LHQ đối với nhân dân ta?*
3. *Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ thực hiện chiến tranh lạnh? Cuộc chiến tranh lạnh diễn ra như thế nào?*
4. *Trình bày các xu hướng phát triển của thế giới ngày nay? Thời cơ và thách thức đối với các dân tộc?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 11**  | **Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.**1. Nguồn gốc2. Đặc điểm3. Thành tựu4. Ý nghĩa5. Tác động |

**1. Nguồn gốc**

 - Do yêu cầu của cuộc sống, của sản xuất.

 - Những năm gần đây, nhân loại đang đứng trước những vấn đề to lớn: bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường. Điều đó đặt ra những yêu cầu mới đối với khoa học - kĩ thuật như tìm ra công cụ sản xuất mới có kĩ thuật cao, nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới...

 - Dựa trên những thành tựu to lớn về KH-KT cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

 - Do nhu cầu phục vụ chiến tranh.

**2. Đặc điểm.**

 **-** Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật… Vì vậy, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

 - Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn.

 - Hiệu quả kinh tế của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao. Đầu tư vào khoa học cho lãi cao hơn so với đầu tư các lĩnh vực khác.

**3. Thành tựu chủ yếu:**

 Một là, trong lĩnh vực khoa học cơ bản, con người đã thu được những thành tựu hết sức to lớn ở các ngành Toán học, Vật lí, Tin học, Hoá học, Sinh học, Con người đã ứng dụng vào kỹ thuật và sản xuất để phục vụ cuộc sống: sinh sản vô tính, khám phá bản đồ gien người...

 Hai là, có những phát minh lớn về công cụ sản xuất: máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động, rôbốt.

 Ba là, tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú và vô tận: năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió.

 Bốn là, sáng chế ra những vật liệu sản xuất mới, quan trọng nhất là Polime (chất dẻo) đang giữ vị trí hàng đầu trong đời sống hàng ngày của con người cũng như trong các ngành công nghiệp.

 Năm là, nhờ cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp mà con người đã tìm ra được phương hướng khắc phục nạn thiếu lương thực và thực phẩm.

 Sáu là, có những tiến bộ lớn trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc: máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả tốc độ cao, tàu biển trọng tải hàng triệu tấn, hệ thống vệ tinh nhân tạo phát sóng truyền hình hết sức hiện đại...

 Trong gần nửa thế kỉ qua, con người có những bước tiến phi thường, đạt được những thành tựu kì diệu trong chinh phục vũ trụ: phóng tàu vũ trụ, tàu con thoi vào khoảng không vũ trụ, đưa con người đặt chân lên Mặt Trăng...

### 4. Ý nghĩa và tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật:

 **\* Tích cực:**

 + Cách mạng khoa học-kĩ thuật đó mang lại những tiến bộ phi thường, những thành tựu kỳ diệu làm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người.

 + Cho phép con người thực hiện những bước nhảy vọt chưa từng thấy về năng xuất lao động.

 + Thay đổi cơ cấu dân cư lao động với xu hướng tỉ lệ dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm dần, tỉ lệ dân cư trong các ngành dịch vụ tăng dần.

 + Đưa loài người sang nền văn minh thứ ba, nền văn minh sau thời kỳ công nghiệp hoá, lấy vi tính, điện tử, thông tin và khoa sinh hoá làm cơ sở.

 + Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật... ngày càng quốc tế hóa cao.

 **\* Tiêu cực:**

 + Chế tạo các loại vũ khí và các phương tiện quân sự có sức tàn phá và huỷ diệt sự sống.

 + Nạn ô nhiễm môi trường: ô nhiễm khí quyển, đại dương, sông hồ...

 + Nhiễm phóng xạ nguyên tử, tai nạn lao động, tai nạn giao thông gắn liền với kĩ thuật mới, dịch bệnh và tệ nạn xã hội...

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. *Lịch sử loại người đã diễn ra những cuộc cách mạng kĩ thuật nào?*
2. *Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật trong thời gian gần đây có những thành tựu nào quan trọng đáng chú ý?*

**B. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 1** | **Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất**- Chương trình khai thác của Pháp ở VN.- Chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục của Pháp ở VN.- Xã hội việt Nam phân hóa. |

**1. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. a. 1.1 Nguyên nhân :**

 Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng đất nước bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế kiệt quệ.

Để bù đắp lại những thịêt hại do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

 Mục đích: làm sao để bóc lột được nhiều nhất và kiếm lời được nhiều nhất.

 **1.2 Nội dung.**

 - Tăng cường đầu tư vốn mở rộng sản xuất.

 - Nông nghiệp: chủ yếu là đồn điền cao su.

 - Công nghiệp: chủ yếu là khai thác than đá, mở rộng một số cơ sở công nghiệp chế biến: nhà máy sợi Nam Định, rượu Hà Nội, nhà xay xát gạo Chợ Lớn...

 - Thương nghiệp: Để nắm chặt thị trường Việt Nam và Đông Dương, tư bản Pháp đánh thuế nặng hàng hóa các nước nhập vào VN.

 Giao thông vận tải: Được đầu tư phát triển thêm, đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn : Đồng Đăng – Na Sầm, Vinh – Đông Hà.

 - Tài chính : Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế.

 - Thuế khóa : Đánh thuế nặng và đặt nhiều thứ thuế.

 \* Đặc điểm: diễn ra với tốc độ và quy mô lớn chưa từng có từ trước đến nay.

 \* Tác động: Nền kinh tế đan xen tồn tại phương thức sản xuất TBCN và phương thức sản xuất phong kiến. Và suy cho cùng, đó là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

**2. Chính sách chính trị, văn hóa.**

 **2.1. Thủ đoạn về chính trị.**

 - Mọi quyền hành đều nằm trong tay người Pháp, vua quan Nam triều chỉ la bù nhìn tay sai. Nhân dân ta không được hưởng một chút quyền tự do dân chủ nào, mọi hành động yêu nước đều bị đàn áp khủng bố.

 - Thi hành chính sách chia để trị, chia nước ta thành 3 kì với ba chế độ khác nhau, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo.

 - Triệt để lợi dụng bộ máy địa chủ cường hào ở nông thôn về về bảo vệ quyền uy và sự thống trị của Pháp.

 **2.2. Thủ đoạn về văn hóa, giáo dục.**

 - Thi hành chính sách văn hóa nô dịch nhằm gây cho nhân dân ta tâm lí tự ti, ra sức khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè...

 - Trường học mở ra rất hạn chế, chủ yếu là các trường tiểu học, các trường trung học chỉ mở ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Các trường đại và cao đẳng ở Hà Nội thực chất chỉ là trường chuyên nghiệp.

 - Sách báo xuất bản công khai được lợi dụng triệt để vào việc tuyên truyền chính sách "khai hóa" của thực dân và gieo rắc ảo tưởng hòa bình, hợp tác với thực dân cướp nước với vua quan bù nhìn bán nước.

 ***\* Mục đích*** : Phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh khai thác, bóc lột và củng cố bộ máy chính trị của thực dân Pháp.

**3**. **Xã hội Việt Nam phân hoá:**

 **3.1. Sự phân hóa, thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các g/c.**

 Dưới tác động của cuộc khai thác, xã hội Việt Nam phân hóa ngày càng sâu sắc: bên cạnh những giai cấp cũ, nay xuất hiện những tầng lớp, giai cấp mới. Mỗi tầng lớp, giai cấp có quyền lợi và địa vị khác nhau, nên cũng có thái độ chính trị và khả năng cách mạng khác nhau:

 *Giai cấp địa chủ phong kiến* : bị phân hoá thành đại địa chủ, địa chủ vừa và nhỏ, một bộ phận trở thành tầng lớp tư sản. Bộ phận đại địa chủ chiếm nhiều ruộng đất, câu kết với thực dân Pháp bóc lột nông dân nên không có tinh thần cách mạng. Tuy nhiên cũng có một số bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, tham gia các phong trào yêu nước khi có điều kiện.

 *Tầng lớp tư sản:* ra đời sau chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng ít, dưới tác động của cuộc khai thác, phân hoá làm hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Tư sản mại bản có quyền lợi gắn chặt với đế quốc nên câu kết chặt chẽ với đế quốc áp bức bóc lột nhân dân nên không có tinh thần cách mạng.

 Bộ phận tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên có tinh thần dân tộc, dân chủ, nhưng thái độ không kiên định.

 *Tầng lớp tiểu tư sản*: tăng nhanh về số lượng sau chiến tranh thế giới thứ nhất, bị Pháp chèn ép, bạc đãi nên có đời sống bấp bênh. Bộ phận trí thức có tinh thần hăng hái cách mạng. Đó là lực lượng quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ.

 *Giai cấp nông dân*: chiếm hơn 90% số dân, bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

 *Giai cấp công nhân*: ra đời từ cuộc khai thác lần thứ nhất của pháp và phát triển nhanh trong cuộc khai thác lần thứ hai. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng: bị ba tầng áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt); có quan hệ tự nhiên gắn bó với nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc. Đây là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến toàn thắng.

 Đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã tiếp thu ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, nhất là của chủ nghĩa Mac-Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga.

 Do đó, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đi đầu trên mặt trận chống đế quốc phong kiến, nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

 **3.2. Giai cấp công nhân Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo cách mạng**

- Đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, lao động tập trung có kỉ luật, có kĩ thuật.

 - Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng :

 + Bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên có tinh thần cách mạng cao nhất.

 + Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

 + Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng bất khuất của dân tộc.

 + Vừa lớn lên, giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu ngay chủ nghĩa Mác – Lênin, ảnh hưởng cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

  *1) Hãy trình bày chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam? Đặc điểm của cuộc khai thác lần này?*

 *2) Những thủ đoạn về chính trị, văn hóa, giáo dục của Pháp ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?*

 *3) Xã hội Việt Nam phân hóa như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ? Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp ?*

 *4) Vì sao giai cấp công nhân VN giữ vai trò lãnh đạo cách mạng ?*

 5) Lập bảng so sánh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 11914) với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929) của thực dân Pháp ở VN (Theo mẫu) :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Cuộc khai thác lần thứ nhất** | **Cuộc khai thác lần thứ hai** |
| **Hoàn cảnh** |  |  |
| **Mục đích** |  |  |
| **Nội dung** |  |  |
| **Hệ quả** |  |  |
| **Tác động** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 2** | **PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VN 1919 - 1925**- Ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga- Phong trào dân tộc dân chủ công khai- Phong trào công nhân. |

**1. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới**  Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công làm cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau.

 Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng dâng cao trên toàn thế giới, dẫn tới một loạt các Đảng cộng sản được thành lập ở châu Âu nhưng hoạt động riêng rẽ. Trước bối cảnh đó, Quốc tế ba (Quốc tế Cộng sản) được thành lập (1919) nhằm thống nhất và phát triển phong trào cách mạng thế giới. Ngay sau đó một loạt các ĐCS tiếp tục được thành lập ở các nước đế quốc và các nước thuộc địa, phụ thuộc: ĐCS Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921)...

 Năm 1920, Quốc tế thứ ba thông qua "Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa", sự kiện này tác động đến việc lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: đến với chủ nghĩa Mác Lê-nin và lựac chọn con đường cách mạng vô sản.

 Hoàn cảnh thế giới trên đã tạo điều kiện thuận lợi để chủ nghĩa Mác lê-nin ngày càng được truyền bá sâu rộng vào nước ta.

**2. Phong trào dân tộc dân chủ công khai.**

 **2.1. Phong trào của giai cấp tư sản.**

 **2.1.1. Nguyên nhân**

 - Giai cấp tư sản Việt Nam nhân đà làm ăn thuận lợi, muốn vươn lên giành vị trí khá hơn trong nền kinh tế Việt Nam.

 - Phát động phong trào chấn hưng nộ hóa, bài trừ ngoại hóa; đấu tranh chống thực dân Pháp độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì. Giai cấp tư sản Việt Nam đã dùng báo chí và thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng đấu tranh với thực dân Pháp.

 **2.1.2. Mục tiêu, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của phong trào.**

 - Mục tiêu : đòi tự do dân chủ, đòi quyền lợi về kinh tế.

 - Tính chất : yêu nước, dân chủ.

 - Tích cực : mạng tính chất dân chủ, yêu nước, tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng gây áp lực với thực dân Pháp, chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư sản nước ngoài.

 - Hạn chế : Giai cấp tư sản sẵn sàng thỏa hiệp với thực dân Pháp khi được chúng cho một số quyền lợi.

 **2.2.** **Phong trào của giai cấp tiểu tư sản.**

 **2.2.1 Các hình thức đấu tranh.**

- Tiểu tư sản VN tập hợp trong các tổ chức chính trị của mình như Hội Phục Việt, Hưng Nam và Đảng Thanh niên. Lập ra những nhà xuất bản tiến bộ và những tờ báo tiến bộ. Với nhiều hình thức đấu tranh như báo chí, ám sát (Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái), đấu tranh chính trị như đòi nhà cầm quyền Pháp thả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925), đưa tang Phan Chu Trinh (1926).

 **2.2.2. Mục tiêu, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của phong trào**

 - Mục tiêu : chống cường quyền, áp bức, đòi các quyền tự do dân chủ.

 - Tính chất : yêu nước, dân chủ.

 - Tích cực : thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do, dân chủ trong nhân dân, tư tưởng cách mạng mới.

 - Hạn chế : Chưa tổ chức được chính đảng, đấu tranh mang tính xốc nổi, ấu trĩ.

**3. Phong trào công nhân (1919 - 1925)**.

  **3.1. Bối cảnh :**

 *- Thế giới :* Ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp, cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Trung Quốc ở Hương Cảng, Áo Môn, Thượng Hải... đã cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam đứng dậy đấu tranh.

 *- Trong nước :*

 + Phong trào tuy còn tự phát nhưng ý thức giai cấp cao hơn, tạo điều kiện cho các tổ chức và phong trào chính trị sau này.

 + Năm 1920, tổ chức công hội bí mật ở Sài Gòn ra đời do Tôn Đức Thắng đứng đầu lãnh đạo phong trào đấu tranh.

 **3.2. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8/1925) – mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân VN.**

 - 8/1925, công nhân xưởng Ba Son ở Sài Gòn đã bãi công ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc.

 - Nếu như các cuộc đấu tranh của công nhân trước đó chủ yếu vì mục đích kinh tế, thiếu tổ chức lãnh đạo, mang tính tự phát thì cuộc bãi công của công nhân Ba Son là cuộc đấu tranh đầu tiên có tổ chức, lãnh đạo thể hiện tinh thần quốc tế vô sản, đấu tranh không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà còn vì mục tiêu chính trị. Họ đã tỏ rõ sức mạnh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản.

 - Từ cuộc bãi công Ba Son (8/1925), giai cấp công nhân Việt Nam bước vào đấu tranh tự giác.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

 *1) Em có nhận xét gì về phong trào yêu nước dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1925 ?*

 *2) Căn cứ vào đâu để khẳng định phong trào công nhân nước ta phát triển lên một bước cao hơn sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 3** | **HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI****1919 – 1925.**- Nguyễn Ái Quốc – hành trình tìm đường cứu nước.- Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.- Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên |

**1.** **Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.**

 **1.1. Nguyên nhân:**

 Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19/5/1890 tại Làng Kim Liên (Nam Đàn - Nghệ An). Người sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước và lớn lên trên mảnh đất quê hương có truyền thống yêu nước quận cường, đấu tranh bất khuất. Người chứng kiến sự thất bại hàng loạt phong trào yêu nước và được tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng đương thời. Vì vậy, từ rất sớm, NAQ sớm có lòng yêu nước.

 Tuy NAQ rất khâm phục tinh thần đấu tranh chống Pháp của các bậc tiền bối nhưng NAQ không tán thành con đường cứu nước của họ vì con đường cứu nước đó không phù hợp với hoàn cảnh đất nước, thậm trí đã thất bại. Vì vậy, NAQ quyết trí ra đi tìm đường cứu nước, nhằm tìm con đường cứu nước hữu hiệu hơn

**1.2. Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc:**

 - Ngày 5/6/1911: NAQ rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

 - Từ năm 1911 đến năm 1917, NAQ qua nhiều nước ở châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ. Tại những nơi người đặt chân đến người vừa lao động để kiến sống vừa tham gia vào các phong trào cách mạng... cuối cùng người rút ra một điều: ở đâu giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới đều là bạn, CNĐQ ở đâu cũng là thù.

 - Năm 1919, thay mặt nhóm người VN yêu nước, Người gửi "Bản yêu sách 8 điểm” tới hội nghị Vecxai đòi quyền tự do, dân chủ, bình đẳng cho dân tộc VN. Tuy bản yêu sách không được chấp nhận nhưng đã gây tiếng vang lớn.

 - Tháng 7/1920, NAQ đọc được bản "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*" của Lê-nin. Luận cương của Lê-nin đã chỉ cho Người thấy con đường cứu nước cho dân tộc: con đường cách mạng vô sản lấy CN Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng. Từ đó Người hoàn toàn tin theo Lê-nin và đứng về Quốc tế III.

Tại Đại Hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (12/1920), NAQ đã bỏ phiếu tán thành và gia nhập Quốc tế III, tham gia sáng lập ĐCS Pháp và trở thành người cộng sản VN đầu tiên. Người chọn con đường Cách mạng vô sản trong đấu tranh giải phóng dân tộc, vì người khẳng định rằng: "Trên thế giới bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là CN Lê-nin" và " muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

**2.** **Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam:**

 Sau khi tiếp cận Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, NAQ tích cực hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê nin về nước, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam. Quá trình này được thể hiện qua các thời kì sau:

 **2.1. Nguyễn ái Quốc ở Pháp** (1917-1923)

 - Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Người sáng lập “*Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa*” để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc.

 - Năm 1922, ra tờ báo “*Người cùng khổ”* để vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dó man của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh tự giải phóng mình.

 - Ngoài ra Nguyễn Ái Quốc cũng viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân và viết cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp". Những sách báo này đã được bí mật chuyển về Việt Nam, góp phần tố cáo tội ác của đế quốc Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin về nước, làm thức tỉnh đồng bào yêu nước.

 **2.2 Nguyễn ái Quốc ở Liên Xô** (1923-1924)

 - Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó ở lại Liên Xô vừa nghiên cứu vừa học tập.

 - Năm 1924, tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về nhiệm vụ cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước đế quốc.

 Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin là bước chuẩn bị về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

 **2.3. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc** (1924-1925)

 - Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam và thanh niên yêu nước ở đây để thành lập Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh niên, trong đó tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt.

 - Người đã sáng lập ra báo Thanh niên, trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng. Các bài giảng của Người đã được tập hợp và in thành sách "*Đường cách mệnh*" (1927) - nêu ra phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Thông qua Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh niên, NAQ đã đào tạo được những người cách mạng trẻ tuổi, một số người được cử đi học ở Liên Xô, một số được đưa về nước để truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lê nin vào quần chúng.

 - Năm 1928, Hội chủ trương "Vô sản hoá', đưa hội viên vào hoạt động trong các nhà máy, hầm mỏ... Việc làm này đã góp phần thực hiện việc kết hợp chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy nhanh sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

 Tóm lại, những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc đó có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

**3. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.**

 **3.1. Hoàn cảnh.**

 - Đến năm 1925, phong trào yêu nước và phong trào công nhân nước ta phát triển mạnh mẽ, đã có những bước tiến mới.

 - Sau một thời gian ở Liên Xô học tập và nghiên cứu xây dựng Đảng kiểu mới, tháng 12/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu – Trung Quốc liên lạc, tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam ở đây, Người tìm hiểu tình hình trong nước, lựa chọn và tập hợp một số thanh niên yêu nước từ trong nước mới sang để thành lập HVNCMTN.

 **3.2. Tổ chức hoạt động.**

 - HVNCMTN đã có tổ chức ở hầu khắp các cơ sở của các trung tâm kinh tế - chính trị quan trọng ở trong nước, tham gia ở một số đoàn thế quần chúng như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ...

 - HVNCMTN có chủ trương “vô sản hóa” - đưa hội viên vòa các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống và lao động với công nhân để tự rèn luyện và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin. Từ đó nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh nổ ra. Trên đà đó, phong trào công nhân bùng nổ trong cả nước với 40 cuộc bãi công diễn ra ở các nhà máy, mỏ than, đồn điền cao su... Đây là một tổ chức cách mạng theo hướng các mạng vô sản.

  **\* Tác dụng:**

 - Các cuộc đấu tranh mang tính chất chính trị, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

 **3.3. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập HVNCMTN.**

 - Là người sáng lập và lãnh đạo HVNCMTN.

 - Lựa chọn thanh niên yêu nước đưa vào Hội, vạch ra mục đích, chương trình của Hội.

 - Mở lớp huấn luyện chính trị, trực tiếp viết bài dạy, cho xuất bản báo Thanh niên.

 - Đào tạo được một đội ngũ cán bộ nòng cốt chuẩn bị cơ sở cho việc thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam.

**4. Con đường cứu nước của NAQ – những điểm khác so với lớp người đi trước**

 - Các bậc tiền bối mà tiêu biểu là Phan Bội Châu đã chọn con đường cứu nước là sang Nhật, vì ở đó từng diễn ra cuộc cải cách Minh Trị (1868) làm cho Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa, trở thành một nước đế quốc duy nhất ở châu Á, với hy vọng là một nước đồng văn, đồng chủng thì ông sẽ nhận được sự giúp đỡ của Nhật để đuổi Pháp nhưng thất bại.

 - Hướng đi của NAQ lại khác, Người sang phương Tây, nơi được mệnh danh là nơi có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học kỹ thuật và nền văn minh phát triển. Cách đi của Người là đi vào tất cả các giai cấp, tầng lớp, giác ngộ họ, đoàn kết họ đứng dậy đấu tranh. Người đề cao học tập, nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm các cuộc cách mạng mới nhất của thời đại. Cuối cùng, người bắt gặp Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc: con đường CMVS.

 - Người nhận thức rõ muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, Người sang Pháp để tìm hiểu: Nước Pháp có thực sự: “tự do, bình đẳng, bác ái” hay không ? Nhân dân Pháp sống thế nào ?

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

 *1) Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919 – 1925)? Ý nghĩa của các hoạt động đó?*

 *2) Nét độc đáo trong con đường tìm chân lý của Nguyễn Ái Quốc?*

 *3) Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và vai trò của Nguyễn Ái Quốc?*

 *4) Tại sao nói: Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 4** | **CÁCH MẠNG VN TRƯỚC KHI ĐCSVN RA ĐỜI**- Bước tiến mới của cách mạng VN (1926 – 1927)- Ba tổ chức cộng sản ra đời trong 1929. |

**1. Bước tiến mới của cách mạng VN (1926 – 1927)**

 1.1. Phong trào công nhân.

 - Nhiều cuộc bãi công của công nhân viên chức, học sinh học nghề liên tiếp nổ ra. Lớn nhất là cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (Thái Nguyên).

 - Phong trào công nhân mạng tính thống nhất trong toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh nổ ra từ Bắc chí Nam.

**2. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.**

 **a. Bối cảnh:**

+ Cuối năm 1928, đầu năm 1929, phong trào dân tộc, dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công - nông đi theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu phải có một chính đảng của giai cấp vô sản để kịp thời đưa cách mạng Việt Nam tiến lên những bước mới.

+ Lúc này Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo nên trong nội bộ của Hội diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt xung quanh vấn đề thành lập Đảng. Hoàn cảnh đó dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

 **b. Quá trình thành lập:**

+ Cuối tháng 3/1929: Chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập ở Bắc Kì - tại số nhà 5D phố Hàm Long- Hà Nội.

+ Sau đó, trong nội bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã hình thành 2 tổ chức cộng sản: Đông Dương cộng sản đảng- Bắc Kì(tháng 6-1929) và An Nam Cộng sản đảng - tại Nam Kì (8-1929).

+ Bộ phận tiên tiến của Tân Việt Cách mạng đảng - Trung Kì đã thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9-1929).

 **c. Ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.**

+ Đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Chứng tỏ xu hướng cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta.

 + Chứng tỏ các điều kiện thành lập đảng ở Việt Nam đó chín muồi.

 + Là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

**3. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản vào năm 1929 là xu thế tất yếu của cách mạng VN.**

 Trước khi ĐCS VN ra đời, mọi phong trào yêu nước đều thất bại vì bị khủng khoảng đường nối và giai cấp lãnh đạo.

 Từ năm 1919 tới năm 1929, sau khi tìm thấy con đường cứu nước, NAQ tích cực hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin về nước, tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức để chuẩn bị cho sự ra đời của ĐCS VN.

 Tới năm 1928-1929, dưới tác động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào VN, phong trào yêu nước theo xu hướng vô sản phát triển mạnh mẽ. Yêu cầu cấp thiết là phải có một chính đảng của giai cấp vô sản để lãnh đạo phong trào. Đáp ứng yêu cầu đó, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929, nhưng ba tổ chức đều hoạt động riêng rẽ công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, gây trở ngại lớn cho phong trào cách mạng. Yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải hợp nhất ba tổ chức cộng sản này thành một chính đảng duy nhất.

 Trước tình hình đó, với vai trò là đặc phái viên của Quốc tế cộng sản, NAQ về Hương Cảng (TQ) triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành ĐCS VN (3/2/1930)

**4. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời** (3/2/1930).

 **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

 + Cuối năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh trong đó giai cấp công nhân thật sự trở thành một lực lượng tiên phong.

 + Năm 1929 ở nước ta lần lược xuất hiện ba tổ chức cộng sản đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, song cả ba tổ chức đều hoạt động riêng rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, gây trở ngại lớn cho phong trào cách mạng. Yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có sự lãnh đạo thống nhất của một chính đảng vô sản.

 + Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Aí Quốc đã thống nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành một ĐCS duy nhất, lấy tên là ĐCS VN.

 **b. Nội dung Hội nghị:** Hội nghị họp từ ngày 6/1/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc)

 + Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước, đặt ra yêu cầu hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành một ĐCS duy nhất.

 + Hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

 + Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng do NAQ dự thảo. Đây được xem là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

 + Ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

 Hội nghị thành lập đảng có ý nghĩa và giá trị như một Đại hội thành lập Đảng và đã thông qua đường lối cho cách mạng Việt Nam.

 **c. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng:**

 + Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX.

 + Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, vì: Đối với giai cấp công nhân, chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đối với dân tộc, chấm dứt thời kì khủng hoảng về mặt đường lối, và giai cấp lãnh đạo, từ đây khẳng định quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản Việt Nam. Từ đây cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

 + Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

**5. Vai trò của Nguyễn ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng.**

 + Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam tại Hương Cảng - TQ.

 + Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành một ĐCS duy nhất.

 + Viết và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt - Đây được coi là cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

 + Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việc hợp nhất, rồi đi đến thành lập ĐCS VN.

**6. Những cống hiến của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong thời gian 1911 - 1930:**

 + Đến với CN Mác-Lê nin, tìm ra con đường cứu nước đúng dắn cho dân tộc: kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

 + Chuẩn bị về chính trị tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập ĐCS Việt Nam (3/2/1930)

 + Xác định đường lối đúng đắn cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của đảng.

 + Chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**C. CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

1. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam biến đổi như thế nào? Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của mỗi giai cấp?

 *- Mục 1 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới ảnh hưởng như thế nào tới phong trào cách mạng VN.

 *- Mục 2 - phần kiến thức trọng tâm*

1. Nêu những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1923?

 *- Gợi ý: dựa vào mục ba, chỉ cần nêu các mốc thời gian và sự kiện.*

1. Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị những gì về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam?

 *- Phần b, mục 3.*

1. Tại sao trong thời gian ngắn, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời ở Việt Nam?

 *- Gợi ý: phần a, b mục 4 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung Hội nghị và ý nghĩa của việc thành lập Đảng?

 *- Mục 5 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Tại sao nói sự ra đời của ba tổ chức cộng sản vào năm 1929 là xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam?

 - *Mục 3 - phần kiến thức mở rộng - nâng cao.*

1. Con đường cứu nước của NAQ có gì khác lớp người đi trước?

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 2** | ***Cuộc vận động chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.*** |

**A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Cao trào cách mạng 1930 - 1931.**

 **a. Nguyên nhân:**

 Kinh tế: cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) từ các nước tư bản đã lan nhanh sang các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam. Thêm vào đó là chính sách áp bức, bóc lột của đế quốc và phong kiến làm cho đời sống của nhân dân càng thêm khổ cực. Mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt.

 Chính trị: sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Pháp tiến hành cuộc khủng bố trắng, khiến tình hình Đông Dương trở lên căng thẳng.

 Giữa lúc tình hình Đông Dương đang căng thẳng, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã khéo léo kết hợp hai khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày", vì vậy đã đáp ứng phần nào nguyện vọng của nhân dân, kịp thời tập hợp họ lại và phát động họ đấu tranh.

 Ba nguyên nhân trên đó dẫn tới bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931, trong đó nguyên nhân ĐCS VN ra đời là cơ bản, quyết định bùng nổ phong trào.

 **b. Diễn biến:**

 \* Phong trào trên toàn quốc:

Phong trào đấu tranh của quần chúng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, bùng lên mạnh mẽ khắp ba miền Bắc - Trung - Nam, nổi lên là phong trào của công nhân và nông dân. Tiêu biểu là ngày 1-5-1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và nông dân cả nước đó tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động dưới nhiều hình thức để biểu dương lực lượng và tỏ rõ sự đoàn kết với vô sản thế giới.

 \* Phong trào ở Nghệ - Tĩnh:

+ Nghệ-Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất. Mở đầu là cuộc đấu tranh ngày Quốc tế lao động 1-5-1930.

 + Từ sau ngày 1 tháng 5 đến tháng 9-1930, ở nhiều vùng nông thôn thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nổ ra hàng loạt cuộc đấu tranh quy mô lớn của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ.

 + Tới tháng 9-1930, phong trào phát triển tới đỉnh cao. Phong trào quần chúng tập hợp dưới khẩu hiệu chính trị kết hợp với khẩu hiệu kinh tế diễn ra dưới hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ, tiến công vào cơ quan chính quyền địch ở địa phương.

 + Ngày 12-9-1930: hai vạn nông dân ở Hưng Nguyên (Nghệ An) đã biểu tình phản đối chính sách khủng bố của Pháp và tay sai.

 + Trong suốt hai tháng 9 và 10-1930, nông dân ở Nghệ-Tĩnh đã vũ trang khởi nghĩa, công nhân đã phối hợp với nông dân, phản đối chính sách khủng bố của địch. Hệ thống chính quyền của đế quốc, phong kiến ở nhiều nơi tan rã.

 + Để thay thế chính quyền cũ, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng, các Ban chấp hành Nông hội xã do các Chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị-xã hội ở nông thôn. Đây là một hình thức chính quyền nhân dân theo kiểu Xô viết.

 + Chính quyền Xô viết ở các làng, xã đã thực hiện một số chính sách: Bãi bỏ sưu thuế, mở lớp học chữ Quốc ngữ, thành lập Nông hội, Công hội, hội Phụ nữ giải phóng. Mỗi làng có đội tự vệ vũ trang...

 + Xô viết Nghệ - Tĩnh diễn ra được 4-5 tháng thì bị đế quốc phong kiến tay sai đàn áp. Từ giữa năm 1931 phong trào tạm thời lắng xuống.

 **c. Ý nghĩa:**

 Phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng Việtt Nam, đã giáng một đòn quyết liệt đầu tiên vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.

 Qua thực tiển phong trào cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng thì giai cấp công nhân, nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến tay sai.

 Phong trào để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá: Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng; Bài học về xây dựng khối liên minh công nông; Bài học về sử dụng bạo lực cách mang; Bài học về xây dựng chính quyền.

 Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô- Viết Nghệ - Tĩnh được xem là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.

**2. Cuộc vân động dân chủ 1936-1939.**

 **a. Nguyên nhân:**

 - Tình hình thế giới:

 + Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở một số nước (Đức, Italia, Nhật) đe doạ nền dân chủ và hoà bình thế giới.

 + Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (tháng 7 năm 1935 ở Liên Xô) chỉ ra kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít và vận động thành lập ở mỗi nước Mặt trận nhân dân, tập hợp các lực lượng tiến bộ để chống phát-xít.

 + Năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền ở Pháp, ban bố những chính sách tiến bộ áp dụng cho cả thuộc địa.

 - Tình hình trong nước:

 + Do có những thay đổi ở Pháp, nhất là trong chính phủ cầm quyền, bọn cầm quyền ở Đông Dương buộc phải có những thay đổi trong chính sách cai trị. Một số tù chính trị được thả, cách mạng có điều kiện phục hồi và chuyển sang thời kỳ đấu tranh mới.

 + Tháng 7 năm 1936, Hội nghị trung ương lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp, đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới:

* Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt là bọn phản động Pháp và tay sai.
* Xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình.
* Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi là Mặt trận Dân chủ Đông Dương).
* Hình thức phương pháp đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

 **b. Diễn biến:**

 - Chủ trương mới của Đảng đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, đã dấy lên trong cả nước phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ nhằm vào mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.

 - Giữa 1936, Đảng chủ trương phát động phong trào đấu tranh công khai, vận động thành lập “Ủy ban trù bị Đại hội Đông Dương” nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới Đại hội Đông Dương (5-1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các “Ủy ban hành động” nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước.

 - Đầu 1937, nhân việc đón phái viên Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp và viên toàn quyền mới xứ Đông Dương là Gô-đa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng khắp nơi trong nước, đông đảo hăng hái nhất là công nhân và nông dân, biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình, đưa “dân nguyện”…

 - Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, nhân dân lao động ở thành phố: tổng bãi công của công nhân Công ty than Hòn Gai, cuộc mít tinh ngày Quốc tế lao động 1-5-1938 tại khu Đấu Xảo - Hà Nội (với sự tham gia của 2,5 vạn người)...

 - Xuất bản sách báo công khai của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể (Tiền phong, Dân chủ, Lao động, Bạn dân, Tin tức..)

 - Một số cuốn sách phổ thông giới thiệu về chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách của Đảng cũng được lưu hành rộng rãi...

 Tới cuối năm 1938 phong trào bị thu hẹp, tới tháng 9 năm 1939 khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ thỡ chấm dứt.

 **c. Ý nghĩa:**

 **+** Cuộc vân động dân chủ 1936-1939 là một phong trào dân tộc dân chủ rộng lớn. Qua đó Đảng ta đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền giáo dục râu rộng tư tưởng Mác-Lê Nin, đường lối chính sách của Đảng, tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận dân tộc thống nhất xây dựng được đội quân chính trị đông đảo.

 + Qua phong trào uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng, trình độ chính trị và khả năng công tác của cán bộ được nâng lên, tổ chức Đảng được củng cố và phát trển.

 + Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm như bài học về sử dụng các hình thức và khẩu hiệu đấu tranh, vận động tổ chức quần chúng đấu tranh, xây dựng Mặt trận nhân dân thống nhất.

 Với những ý nghĩa đó phong trào dân chủ 1936-1939 được xem là cuộc diễn tập lần thứ hai của chuẩn bị cho sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

**3. Mặt trận Việt Minh ra đời.** (19/5/1941)

 **a. Hoàn cảnh ra đời:**

 + Thế giới: chiến tranh thế giới thứ hai bước sang năm thứ ba. Tháng 6-1941, phát xít Đức mở cuộc tấn công Liên Xô. Thế giới hình thành hai trận tuyến, một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô dẫn đầu, một bên là khối phát xít Đức, Ý, Nhật.. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một phần trong cuộc đấu tranh của lực lượng dân chủ.

 + Trong nước: Nhật vào Đông Dương, Pháp - Nhật câu kết với nhau để gây áp bức, thống trị nhân dân Đông Dương, vận mệnh của dân tộc nguy vong hơn bao giờ hết.

 + Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941), Hội nghị đã chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và chủ trương thành lập “Việt Nam độc lập đồng minh” gọi tắt là Việt Minh.

 **b. Sự phát triển lực lượng cách mạng của Mặt trận Việt Minh.**

\* Xây dựng lực lượng chính trị:

 + Mục tiêu là xây dựng khối đoàn kết toàn dân, tập trung nhân dân vào các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm chủ trương này, đến năm 1942 khắp các châu ở Cao Bằng đều có Hội cứu quốc. Tiếp đó Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập. Năm 1943, Uỷ ban thành lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến", liên lạc với Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và mở rộng lực lượng cách mạng xuống miền xuôi.

 + Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân như học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu quốc.

 + Đảng và Mặt trận Việt Minh đã xuất bản một số tờ báo để tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng.

 \* Xây dựng lực lượng vũ trang:

 + Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, đội du kích Bắc Sơn được duy trì và phát triển lên thành đội Cứu quốc quân. Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích, sau đó phân tán vào trong quần chúng để chấn chỉnh lực lượng và tuyên truyền vũ trang.

 + Ở Cao Bằng, theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Ngay khi mới ra đời, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng) mở đầu cho truyền thống bách chiến, bách thắng của quân đội nhân dân Việt Nam.

 + Ở Thái Nguyên, đội cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích. Chính quyền nhân dân được thành lập một vùng rộng lớn xuống tận tỉnh lị Thái Nguyên và Vĩnh Yên.

**4. Cách mạng tháng Tám năm 1945.**

 **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

 **Thế giới** (Khách quan): Chiến tranh thế giới thứ hai đang tới những ngày cuối. Ở Châu Âu, tháng 5/1945 phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện. Ở Châu Á –Thái Bình Dương, tháng 8/1945 Nhật cũng đầu hàng vô điều kiện. Khi đó, các nước đồng minh chưa kịp vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật.

 **Trong nước** (Chủ quan):quân Nhật và bè lũ tay sai của chúng hoang mang đến cực độ, lính Nhật mất hết tinh thần chiến đấu. Trong khi đó, lực lượng cách mạng của ta lớn mạnh, nhân dân đã sẵn sàng, Đảng ta có sự chuẩn bị chu đáo trong suốt 15 năm.

 Như vậy, Cách mạng tháng Tám nổ ra trong điều kiện khách quan và chủ quan hoàn toàn chín muồi. Đó là thời cơ ngàn năm có một. Nhận thức rõ thời cơ có một không hai này, Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “*Đây là thời cơ ngàn năm có một cho dân tộc ta vùng dậy. Lần này dù có phải thiêu cháy dãy Trường Sơn cũng quyết giành độc lập cho đất nước*”.

 Đứng trước hoàn cảnh thuận lợi ấy, Đảng và Hồ Chủ tịch kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Điều này được thể hiện qua Hội nghị toàn quốc của Đảng, Quốc dân Đại hội Tân Trào và thư gửi đồng bào cả nước của Hồ Chủ Tịch.

 **b. Những diễn biến chính:** (từ 14/8 đến 28/8/1945)

 + Từ ngày 14/8/1945, tuy chưa nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, nhưng khởi nghĩa đã nổ ra ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng và miền Trung.

 + Chiều ngày 16/8/1945, theo lệnh của Uỷ ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng do Vỗ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đường về Hà Nội.

 + Từ 14 đến 18/8/1945 có 4 tỉnh giành được chính quyền sớm nhất là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

 + Tại Hà Nội: từ ngày 15 đến 18/8 phong trào chuẩn bị khởi nghĩa của quần chúng ngày càng sôi sục. Ngày 19/8/1945 Hà Nội giành được chính quyền.

 + Ngày 23/8 ta giành chính quyền ở Huế.

 + Ngày 25/8 ta giành chính quyền ở Sài Gòn.

 + Ngày 28/8 hầu hết các địa phương trong cả nước giành được chính quyền.

 + Ngày 30/8 vua Bảo Đại thoái vị.

 Như vậy chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14/8 đến 28/8/1945) tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công trong cả nước. Lần đầu tiên trong cả nước chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

 **c. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám.**

 **\*Ý nghĩa lịch**

 **Đối với dân tộc:**

 + Cách mạng tháng Tám thành công là một biến cố lịch sử vĩ đại mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, phá tan hai xiềng xích nô lệ của Pháp- Nhật, lật nhào chế độ quân chủ, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ nước nhà.

 Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

 **Đối với thế giới:** Lần đầu tiên trong lịch sử, một dân tộc thuộc địa nhỏ bé đã tự giải phúng khỏi ách đế quốc thực dân, thắng lợi này góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới nhất là Châu Á và châu Phi.

 **\* Nguyên nhân thắng lợi**

 **Nguyên nhân chủ quan:**

 + Dân tộc ta giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

 + Sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn sáng tạo, xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được các lực lượng yêu nước trong mặt trận thống nhất. Đảng ta đã có quá trình chuẩn bị chu đáo cho thắng lợi của cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm với ba cuộc diễn tập 1930-1931; 1936-1939; 1939-1945.

 **Nguyên nhân khách quan:** Lực lượng đồng minh và quân đội Xô viết đánh bại phát xit Nhật, tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng giành thắng lợi.

 Trong các nguyên nhân trên, nguyên nhân quan trọng và mang tính quyết định nhất là nguyên nhân chủ quan bởi vì: Nếu quần chúng nhân dân không sẵn sàng đứng lên, nếu Đảng không sáng suốt tài tình nhận định đúng thời cơ thì thời cơ sẽ qua đi.

 Vì thế nguyên nhân chủ quan mang tính chất quyết định còn nguyên nhân khách quan chỉ là sự hổ trợ là thời cơ để Đảng sáng suốt phát động quần chúng nhân dân đứng lên giành chính quyền trong thời gian ngắn.

**B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG - NÂNG CAO**

 **So sánh phong trào cách mạng 1930 -1931 với phong trào 1936-1939 ở các mặt sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung so sánh** | **1930 - 1931** | **1936 - 1939** |
| **Kẻ thù** | - Đế quốc, phong kiến. | - Phản động Pháp và tay sai. |
| **Nhiệm vụ** | - Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc- chống phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày. | - Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, phản động tay sai, đũi tự do, dõn chủ, cơm áo hũa bỡnh. |
| **Mặt trận** |  | - Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành mặt trận dân chủ Đông Dương. |
| **Hình thức và phương pháp đấu tranh** | - Bímật, bất hợp pháp.- Bạo động vũ trang. | - Hợp pháp, công khai, bán công khai. |

**C. CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

1.Nguyên nhân, diễn biến chính và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930-1931.

 *- Gợi ý: mục 1 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Nêu những nét chính về phong trào cách mạng 1936-1939. ý nghĩa của phong trào.

 *- Gợi ý: mục 2 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. So sánh phong trào cách mạng 1930 -1931 với phong trào cách mạng 1936-1939.

 *- Gợi ý: phần kiến thức mở rộng, nâng cao.*

1. Vì sao Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh? Sau khi thành lập, Mặt trận Việt Minh phát triển lực lượng như thế nào?

 *- Gợi ý: mục 3 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến chính, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám.

 *- Gợi ý: mục 4 - phần kiến thức trọng tâm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 3** | ***Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày độc lập đến toàn quốc kháng chiến.*** |

**A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Những thuận lợi và khó khăn của nước VN DCCH sau ngày độc lập.**

 **a. Khó khăn:**

 Vừa mới ra đời nước ta đứng trước muôn vàn những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, đó là:

 **Giặc ngoại xâm:** sau cách mạng tháng Tám thì quân đội các nước đồng minh lần lược kéo vào nước ta với âm mưu là bao vây và can thiệp cách mạng nước ta (trên danh nghĩa là vào giải giáp quân Nhật):

 + Từ vĩ tuyến 16 trở ra 20 vạn quânTưởng kéo vào với âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng.

 + Từ vĩ tuyến 16 trở vào có hơn một vạn quân Anh chúng đã dung túng và giúp đỡ cho Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ.

 + Lúc này trên nước ta còn hơn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp trong đó có một bộ phận giúp Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Nam Bộ.

 + Thực dân Pháp muốn khôi phục lại nền thống trị cũ, đã xâm lược trở lại nước ta ở Nam Bộ.

 **Nội phản:** các lực lượng phản cách mạng ở cả hai miền đều ngóc đầu dậy hoạt động chống phá cách mạng như cướp bóc, giết người, tuyên truyền kích động, làm tay sai cho Pháp…

 **Khó khăn về kinh tế, tài chính:** kinh tế nghèo nàn lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, thiên tai, lũ lụt nạn đói đang đe dọa nghiêm trọng.Ngân sách nhà nước trống rỗng, lạm phát gia tăng, giá cả đắt đỏ ….

 **Khó khăn về chính trị- xã hội:** chính quyền còn non trẻ, lực lượng mỏng, thiếu kinh nghiệm quản lí. Trong khi đó, hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút tràn lan.

 Những khó khăn trên làm cho cách mạng nước ta đang đứng trước những thử thách hết sức hiểm nghèo, trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chính quyền cách mạng. vận mệnh Tổ quốc đứng trước tình thế *“Ngàn cân treo sợi tóc”.*

 **b. Thuận lợi:**

 + Ta đã giành được chính quyền, nhân dân tin tưởng vào Hồ Chí Minh, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Mặt trận Việt Minh đã thực hiện khối đoàn kết toàn dân làm hậu thuẫn cho chính phủ.

 + Đảng ta đã được rèn luyện và trưởng thành, có lãnh tụ thiên tài và có uy tín trong nhân dân.

 + Trên thế giới, Liên Xô và các lực lượng dân chủ đã chiến thắng phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, cổ vũ và ủng hộ nhân dân ta.

**2. Những chủ trương và biện pháp nhằm giải quyết khó khăn, bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám.**

 **a.** **Xây dựng chính quyền:** Nhiệm vụ trung tâm là phải xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân.

 + Ngày 6/1/1946 tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

 + Ngày 2/3/1946 Quốc hội họp phiên họp đầu tiên, bầu ban dự thảo Hiến pháp và bầu chính phủ chính thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

 + Sau bầu cử Quốc hội là bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp để củng cố chính quyền ở địa phương.

 **b.** **Giải quyết nạn đói, nạn dốt, những khó khăn về tài chính:**

 ***+* Nạn đói:** trước mắt thực hiện nhường cơm sẻ áo, thực hiện hũ gạo tiết kiệm, ngày đồng tâm**.** Về lâu dài thì đẩy mạnh tăng gia sản xuất.Kết quả làchỉ trong thời gian ngắn nạn đói được đẩy lùi.

 ***+* Nạn dốt:** mở các lớp học bình dân, kêu gọi nhân dân tham gia xóa nạn mù chữ.thành lập cơ quan bình dân học vụ (8/9/1945)...

 **+ Giải quyết khó khăn về tài chính:** kêu gọi tinh thần tự nguyên đóng góp của nhân dân, thông qua *Quỹ độc lập* và *Tuần lễ vàng*. Phát hành tiền giấy Việt Nam (23/11/1946).

 **c.Chống giặc ngoai xâm:** diễn ra qua hai thời kì trước và sau 6/3/1946:

 **+** Trước 6/3/1946: ta chủ trương hòa với quân Tưởng ở miền Bắc để tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam.

 + Sau ngày 6/3/1946: ta chủ trương hòa với Pháp để đuổi nhanh quân Tưởng, tranh thủ thời gian để chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Chủ chương này của ta được thể hiện việc ta ký Hiệp định sơ bô ngày 6/3/1946 và tạm ước 14/9/1946.

 Đây là những chủ trương sáng suốt và tài tính, mềm dẻo về sách lược nhưng cứng rắn về nguyên tắc, biết lợi dụng mâu thuẩn trong hàng ngũ của kẻ thù không cho chúng có điều kiện tập trung lực lượng chống phá ta….Đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn và thoát khỏi tình thế hiểm nghèo, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu lâu dài với pháp.

**B.** **CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

1. Tại sao nói nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngay sau khi giành độc lập đã ở vào tình thế *ngàn cân treo sợi tóc*?

*- Gợi ý: phần 1.*

1. Đảng và Nhà nước ta có những chủ trương và biện pháp gì nhằm giải quyết khó khăn, bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám?

*- Gợi ý: phần 2.*

1. Tại sao ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và tạm ước 14/9/1946?

 + Chính phủ ta kí Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1945 nhằm mục đích: mượn tay Pháp nhanh chóng đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước, tránh được một cuộc chiến đấu bất lợi vì cùng một lúc phải chống nhiều kẻ thù, tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến sau này.

 + Tạm ước 14/9: nhằm kéo dài thời gian hoà hoãn để xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta biết chắc là không thể tránh khỏi.

--------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 4** | ***Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)*** |

**A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ.**

 **a. Nguyên nhân:**

 Thực dân Pháp bội ước tấn công ta: Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, Pháp khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn. Tại Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây xung đột vũ trang, ngày 18-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho quân đội Pháp.

 Trước âm mưu và hành động trắng trợn của Pháp, Đảng ta đứng trước lựa chọn một trong hai con đường: đầu hàng hoặc chiến đấu. Ta chọn con đường chiến đấu để bảo vệ độc lập dân tộc và chính quyền vừa giành được. Ban thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc chiến toàn quốc kháng chiến. Tối 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Cuộc cháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ.

**\* Nội dung đường nối kháng chiến:**

 + Đường lối kháng chiến chống Pháp của ta được thể hiện qua những văn kiện chính sau đây: *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946), bản *Chỉ thị Toàn dân kháng chiến* của Ban thường vụ trung ương Đảng (22/12/1946), và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh (9/1947).

 + Nội dung đường lối kháng chiến chống Pháp của ta là: Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cách sinh, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

 **2. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.**

 **a. Nguyên nhân:**

 + Pháp ngày càng khó khăn, lúng túng trong âm mưu đánh nhanh thắng nhanh.

 + Tháng 3/1947 Pháp cử Bô-la-éc sang làm cao ủy Đông Dương thay cho Đác-giăng-li-ơ.Thực dân Pháp chuẩn bị mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc.

 Âm mưu Pháp tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc:Phá tan cơ quan đầu não kháng chiến của ta.Tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực.Khóa chặt biên giới Việt Trung nhằm ngăn chặn sự liên lạc giữa ta với quốc tế.Dùng thắng lợi về quân sự để thúc đẩy sự thành lập chính quyền bù nhìn trên toàn quốc và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

 Chủ trương của ta: Ngày 15/10/1947 Ban thường vụ TW Đảng ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp”.

 **b. Diễn biến:**

 **Về phía Pháp:** ngày 7/10/1947 Pháp huy động 12.000 quân tấn công lên Việt Bắc theo 3 hướng:

 + Cánh quân dù:sáng ngày 7/10/1947 Pháp cho bộ phận quân nhảy dù nhảy xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn.

 + Cánh quân bộ: cùng ngày 7/10/1947 một binh đoàn bộ binh từ Lạng Sơn theo đường số 4 tiến lên Cao Bằng; một bộ phận khác theo đường số 3 vòng xuống Bắc Kạn tạo thành gọng kìm thứ nhất kẹp chặt Việt Bắc ở phía Đông và phía Bắc.

 + Cánh quân thủy: ngày 9/10/1947 binh đoàn hỗn hợp từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô tiến lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa tạo thành gọng kìm thứ hai bao vây Việt Bắc từ phía Tây. Chúng dự định hai gọng kìm sẽ gặp nhau và khép chặt ở Đài Thị (Đông Bắc Chiêm Hóa).

 **Về phía ta:**

 + Tại Bắc Kạn: Quân địch vừa nhảy dù xuống đã bị ta bao vây tiêu diệt.

 + Ở hướng Đông (cánh quân bộ): quân ta chặn đánh địch trên đường số 4, lập nhiều chiến công, tiêu biểu là trận đèo Bông Lau (30/10/1947). Sau trận này, địch khiếp sợ. Đường số 4 trở thành ''con đường chết của giặc Pháp"

 + Ở hướng Tây (cánh quân thủy): Ta phục kích và đánh chìm nhiều tàu chiến của địch trên sông Lô, tiêu biểu tại Đoan Hùng, Khoan Bộ, Khe Lau...

 + Phối hợp với chiến trường Việt Bắc quân và dân cả nước phối hợp chiến đấu phá tan âm mưu của địch. Đến ngày 19/12/1947quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.

 **c. Kết quả và ý nghiã lịch sử:**

 **+ Kết quả:** Loại khỏi vũng chiến đấu 6000 tên địch, 16 máy bay, 11 tàu chiến và ca nô... Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững, cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ an toàn, bộ đội ta trưởng thành.

 **+ Ý nghĩa lịch sử:**

 **-** Là cuộc phản công lớn đầu tiên của ta có ý nhĩa chiến lược quan trọng trong năm đầu toàn quốc kháng chiến.

 - Làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.

 - Chứng minh sự đúng đắn của đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng và sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

 - Là mốc khởi đầu của sự thay đổi về tương quan lực lượng cú lợi cho ta.

**3. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.**

 **a. Hoàn cảnh:**

 **Trong nước:** Sau chiến thắng Việt Bắc ta giành được nhiều thắng lợi: chính quyền cách mạng ngày càng được củng cố, chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch, lực lượng cách mạng được phát triển, hậu phương được xây dựng vững chắc. Trong khi đó Pháp ngày càng sa lầy và gặp nhiều khó khăn trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

 **Tình hình thế giới:** Có nhiều chuyển biến có lợi cho ta song bất lợi cho Pháp. Ngày 1/10/1949 Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời… Từ tháng 1/1950, Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

 **Âm mưu của Pháp:**  Đứng trước tình hình trên, nhờ sự giúp sức của Mỹ thực dân Pháp thực qua kế hoạch Rơ-ve nhằm:

 + Khóa chặt biên giới Việt Trung bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4.

 + Thiết lập hành lang Đông Tây để cắt đứt sự liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu III và liên khu IV.

 Với hai hệ thống phòng ngự trên, thực dân Pháp chuẩn bị mở cuộc tấn công qui mô lớn lên Việt Bắc lần hai.

 **Chủ trương và sự chuẩn bị của ta:** Chủ động mở chiến dich Biên Giới nhằm tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tích cực chuẩn bị cho chiến dịch.

 **b.** D**iễn biến:**

 + Sáng ngày 16/9/1950 ta tấn công cứ điểm Đông Khê, đến ngày 18/9 ta hoàn toàn tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê đẩy địch vào tình thế nguy khốn: uy hiếp Thất Khê, Cao Bằng bị cô lập, hệ thống phòng ngự trên đường số 4 bị lung lay.

 + Pháp rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4, đồng thời cho một cánh quân từ Thất Khê lên đánh chiếm lại Đông Khê.

 + Đoán được ý đồ của địch ta bố trí quân mai phục, kiên nhẫn chờ đợi đánh quân tiếp viện. Sau 8 ngày chiến đấu (từ ngày 1/10 đến 8/10/1950) ta đó tiêu diệt gọn hai binh đoàn của địch làm sụp đổ hoàn toàn kế hoạch rút quân của chúng.

 + Từ ngày 10 đến 22/10/1950 địch hốt hoảng rút khỏi các cứ điểm còn lại trên đường số 4. Chiến dịch kết thúc thắng lợi.

 **c. Kết quả và ý nghĩa lịch sử:**

 **+ Kết quả:** Loại khỏi vòng chiến đấu 8.300 tên địch, thu và phá hủy 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh; Khai thông biên giới Việt Trung dài 750 Km; Chọc thủng hành lang Đông Tây; Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững và mở rộng.

 **+Ý nghĩa:** Đây là thất bại lớn của địch cả về quân sự lẫn chính trị, địch bị đẩy vào thế phòng ngự bị động; Đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong cục diện chiến trường, ta bắt đầu giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

**4. Kế hoạch Na-va và bước đầu sự phá sản của nó.**

 **a. Kế hoạch Na-va.**

 **\* Hoàn cảnh ra đời:**

 Sau gần 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược trở lại VN, Pháp ngày càng sa lầy vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Lợi dụng tình hình này, Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

 Ngày 7/5/1953, với sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp cử tướng Na-va sang Đông Dương làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Na-va vạch ra kế hoạch nhằm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương, với hy vọng trong 18 tháng "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

 **\* Nội dung kế hoạch Na-va:** được chia làm hai bước:

 **Bước 1:** T**ừ t**hu - Đông 1953 tới Xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược miền Nam, mở rộng ngụy quân và xây dựng lực lượng cơ động mạnh...

 **Bước hai:** Từ thu - đông 1954, Chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc thực hiện tiến công chiến lược giành lấy thắng lợi quân sự quyết định buộc ta phải đàm phán theo những điều có lợi cho chúng.

 Trọng tâm của kế hoạch Na-va là đồng bằng Bắc Bộ. Lực lượng cơ động ở đây là 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn trên toàn Đông Dương).

 **Tóm lại**: kế hoach quân sự Na-va là kế hoạch chiến lược có quy mô rộng lớn, thể hiện sự cố gắng lớn nhất và cũng là cuối cùng của thực dân Pháp có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương**.** *Kế hoạch này ra đời trong hoàn cảnh bị động, trong thế thua, nên nó chứa đựng đầy mâu thuẩn và nảy sinh mầm mống thất bại ngay từ đầu. Vì vậy sự thất bại là không hề tránh khỏi.*

 **b. Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954, kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.**

 **\* Chủ trương của ta:**

 Chủ trương của ta là tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về mặt chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta ở những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo điều kiện thuận lợi để ta tiêu diệt chúng.

 Phương châm tác chiến của ta là: “Tích cực, chủ động, cơ động linh hoạt", "đánh chắc, thắng chắc".

 **\* Kế hoạch Na-ba bước đầu bị phá sản:**

 Trong Đông xuân 1953 - 1954, thực hiện chủ trương chiến lược của Đảng ta chủ động mở hàng loạt các chiến dịch tấn công địch trên nhiều hướng, trên khắp chiến trường Đông Dương như Tây Bắc, Thượng Lào, Trung Lào và Bắc Tây Nguyên, buộc chúng phải phân tán lực lượng thành 5 nơi: Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Sê-nô, Plây-cu, Luông-pha-băng.

 Giữa tháng 11/1953, ta tiến công Tây Bắc giải phóng Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ, Na-va phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch sau đồng bằng Bắc bộ.

 Đầu tháng 12/1953, liên quân Việt Lào tấn công Trung Lào, giải phóng tỉnh Thà Khẹt, bao vây uy hiếp Sê-nô. Na-va phải tăng cường quân cho Sê-nô biến Sê-nô thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

 Đầu năm 1954, liên quân Việt Lào tiến công địch ở Thượng Lào giải phóng tỉnh Phong-xa-lì uy hiếp Luông-Pha-băng. Nava vội vã điều quân tăng cường cho Luông-Pha-băng biến nơi đây thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

 Cũng đầu tháng 2/1954, quân ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên giải phóng tỉnh Kom Tum, uy hiếp Plây Cu. Na-va lại phải điều quân tăng cường cho Plây Cu, biến Plây Cu thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

 Như vậy, trong Đông Xuân 1953-1954, quân và dân ta đã chủ đông tấn công địch trên mọi hướng chiến lược khác nhau. Qua đó ta tiêu diệt nhiều sinh lực đich giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn đồng thời buộc chúng phải phân tán khối quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ ra 5 nơi: Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Sê nô, Plây cu, Luông –pha- băng làm cho kế hoạch Na Va bước đầu bị pha sản, tạo thời cơ thuận lợi để mở trận quyết chiên chiến lược ở Điện Biên Phủ.

**5. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)**

 **a. Nguyên nhân:**

 Trong tình thế kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, Pháp và Mỹ tập trung xây dựng Điên Biên Phủ thành một một tập đoàn cứ điểm mạnh, một “Pháo đài không thể công phá”, nhằm thu hút lực lượng của ta vào đây để tiêu diệt. Lực lượng địch ở đây gồm 16200 tên đủ các binh chủng và phương tiện chiến tranh hiện đại, được bố trí thành một hệ thống phòng ngự mạnh, gồm 49 cứ điểm, chia thành 3 phân khu. Phân khu trung tâm, phân khu Bắc, phân khu Nam.

 Tháng 12/1953, Bộ chính trị họp, quyết địch mở chiến dịch Điện Biên Phủ, tích cực chuẩn bị cho chiến dịch.Mục tiêu ta mở chiến dịch là tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

 **b. Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ:**

 Chiến dịch bắt đầu ngày 13-3-1954 đến hết 7-5-1954 chia làm 3 đợt:

 **+ Đợt 1 (13 đến 17-3-1954)**: ta tấn công Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

 + **Đợt 2 (30-3 đến 26-4):** Ta tấn công khu Đông phân khu trung tâm, cuộc chiến diễn ra ác liệt ở đồi A1,C1.

 + **Đợt 3 (1-5 đến 7-5-1954):** Ta đồng loạt tấn công khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều ngày 7/5 quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. Đến 17h30 ngày 7/5/1954 lá cờ quyết chiến quyết thắng bay trên nóc hầm Đơ Cát. Tướng Đơ Cat và toàn bộ Bộ tham mưu của địch ra hàng. Chiến dịch toàn thắng.

 **c. Kết quả, ý nghĩa:**

 Kết quả:ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ: 16200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất, kĩ thuật, đập tan kế hoạch Na-va và mọi mưu đồ chiến lược của đế quốc Pháp-Mĩ.

 Ý nghĩa lịch sử**:**

**Đối với dân tộc**, chiến thắng Điện Biên Phủ đã đánh bại hoàn toàn kế hoạch Na-va của Pháp - Mĩ,làm xoay cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta, buộc Pháp - Mĩ phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.

**Đối với thế giới**, chiến thắng Điện Biên Phủ góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, tác động mạnh đến tình hình thế giới, làm "chấn động địa cầu", cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng mình.

**6. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.**

**\*Ý nghĩa lịch sử:**

 Đối với dân tộc: chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta. Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc.

 Đối với thế giới: giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh.

**\* Nguyên nhân thắng lợi:**

+ Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối đúng đắn: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Được tiến hành trong điều kiện có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng lớn mạnh, có hậu phương vững chắc.

 + Có tinh thần đoàn kết giữa ba nước Đông Dương và sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG - NÂNG CAO

* **Tại sao nói : Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương?**

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Na-va và ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, tác động mạnh đến tình hình thế giới, làm "chấn động địa cầu", cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã góp phần quyết định việc kí Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương. Các nước tham dự Hội nghị buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, Pháp buộc phải rút quân về nước, Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN.

**C. CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

1. Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ? Nội dung cơ bản của lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

 *- Gợi ý: mục 1 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Âm mưu của địch, chủ trương của ta. Diễn biến chính, ý nghĩa chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

 *- Gợi ý: mục 2 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Tại sao ta mở chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950? Nêu diễn biến chính chiến dịch này.

 *- Gợi ý: mục 3 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va như thế nào?

 *- Gợi ý: + Nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời kế hoạch Na-va.*

 *+ Phần b, mục 4 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Trình bày hoàn cảnh, diễn biến, kết quả chiến dịch Điện Biên Phủ.

 *- Gợi ý: mục 5 - phần kiến thức trọng tâm.*

1. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1953-1954)

 - *Gợi ý: mục 6 - phần kiến thức trọng tâm.*

-----------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 5** | ***Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)*** |

**I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Phong trào "Đồng khởi"** (1959-1960)

 "Đồng khởi" (nghĩa là đồng loạt khởi nghĩa) là cuộc nổi dậy của quần chúng miền Nam. Đầu tiên diễn ra dưới hình thức khởi nghĩa từng phần ở nông thôn trong hai năm 1959-1960, nhằm đánh đánh vào chế độ Mĩ - Diệm, giành chính quyền. Sau đó phong trào Đồng khởi diễn ra dưới hình thức những cuộc nổi dậy.

 **a.** **Nguyên nhân:**

 Để dập tắt phong trào cách mạng miền Nam, trong những năm 1957-1959, Mĩ - Diệm mở rộng chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", tăng cường khủng bố, đàn áp, thực hiện "đạo luật 10-59" lê máy chém đi khắp miền Nam giết hại người vô tội. Cách mạng tổn thất nặng nề.

 Đứng trước bối cảnh đó, tháng 1/1959, Đảng triệu tập Hội nghị TW lần thứ 15, xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang nhân dân.

 **b. Diễn biến:**

 Có nghị quyết của Đảng so sáng, phong trào nổi dậy của quần chúng lúc đầu nổ ra lẻ tẻ ở từng địa phương thuộc các tỉnh Bình Định, Ninh Thuận, tới Trà Bồng - Quảng Ngãi, sau lan ra khắp miền Nam thành cao trào "Đồng khởi", tiêu biểu ở Bến Tre

 Tại Bến Tre, ngày 17/1/1960, với các loại vũ khí thô sơ, nhân dân ở ba xã thuộc huyện Mỏ Cày đồng loạt nổi dậy phá đồn bốt, diệt bọn ác ôn, giải tán chính quyền địch. Cuộc nổi dậy nhanh chóng lan ra toàn huyện Mỏ Cày và tỉnh Bến Tre, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở thôn xã. Uỷ ban nhân dân tự quản được thành lập, lực lượng vũ trang ra đời và phát triển, ruộng đất của địa chủ được tịch thu chia cho dân cày nghèo...

 Từ Bến Tre, phong trào "Đồng khởi" lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một phần miền Trung Nam Bộ.

 **c. Kết quả:** Ta phá 2/3 chính quyền địch ở thôn xã, chính quyền cách mạng được thành lập dưới hình thức là những UBND tự quản.

 **d. Ý nghĩa:**

 Phong trào "Đồng khởi" đã giáng đòn mạnh vào chính sách thực dân Mĩ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

 Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam: chuyển từ giữ gìn lực lượng sang tiến công. Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, tập hợp nhân dân miền Nam đấu tranh.

**2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ**

(1961-1965).

 **a. Bối cảnh lịch sử:**

 Sau thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" (1959-1960), phong trào chống chế độ Mĩ và chính quyền Sài Gòn của quần chúng miền Nam tiếp tục phát triển. Trong khi đó, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới dâng cao mạnh mẽ, trực tiếp đe doạ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

 Để đối phó lại, ngay khi vừa lên làm Tổng thống Ken-nơ-đi đề ra chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt". Chiến lược này được Mĩ thực hiện thí điểm ở miền Nam Việt Nam, dưới hình thức chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

 "Chiến tranh đặc biệt" là một loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, do ''cố vấn" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

 **b. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt":**

 Âm mưu: Đây không phải là cuộc nội chiến mà là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, bởi vì Mĩ đề ra kế hoạch, cung cấp đô la, vũ khí và phương tiện chiến tranh, chỉ huy bằng hệ thống "cố vấn", nhằm chống lại nhân dân ta, tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam phục vụ cho lợi ích của Mĩ. Đây là một cuộc chiến tranh xâm lược vô cùng thâm độc, gây cảnh nồi da xáo thịt "dùng người Việt đánh người Việt".

 Thủ đoạn:

 + Tiến hành những cuộc hành quân càn quét để tiêu diệt lực lượng cách mạng, tăng lực lượng quân đội Sài Gòn - đây được coi là công cụ của chiến lược ''Chiến tranh đặc biệt''.

 + Dồn dân, lập "Ấp chiến lược", đây được coi là xương sống của chiến lược Chiến tranh đặc biệt. Mục đích là tách dân khỏi cách mạng, bình định miền Nam.

 + Tiến hành phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và chi viện từ miền Bắc vào Nam.

 **c. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.**

 Dưới ngọn cờ cứu nước của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do Đảng lãnh đạo, quân giải phóng miền Nam cùng nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, sử dụng ba thứ quân (Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích), tiến công địch trên ba vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng và đô thị), bằng ba mũi giáp công (Chính trị, quân sự và binh vận).

 Ta đã giành được những thắng lợi quan trọng:

 + Trên mặt trận dấu tranh vũ trang: đánh bại cuộc hành quân càn quét của quân đội Sài Gòn vào chiến khu D, căn cứ U Minh...(1962); đánh bại một lực lượng địch đông hơn ta 10 lần tại Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2/1/1963, chiến thắng này đã khẳng định khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ. Sau trận Ấp Bắc, khắp miền Nam dấy lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công"; cùng với đó là chiến thắng ở Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài... đã làm tan rã từng bộ phận quân đội Sài Gòn - công cụ của chiến lược ''Chiến tranh đặc biệt''.

 + Trên mặt trận chống phá bình định: ta và địch đấu tranh rằng co giữa lập và phá "Ấp chiến lược", kết quả là ta phá từng mảng, tới cuối năm 1964 đầu năm 1965, chúng chỉ còn lại 1/3 ấp chiến lược. Với kết quả này, ta đã đánh bại kế hoạch bình định miền Nam của Mĩ - xương sống của chiến lược ''Chiến tranh đặc biệt''.

 + Đấu tranh chính trị: năm 1963, phong trào đấu tranh ở các đô thị - hậu cứ của chiến lược ''chiến tranh đặc biệt'' diễn ra sôi động. Như phong trào của các tăng li, phật tử Huế, cuộc biểu tình của 70 vận quần chúng Sài Gòn... Phong trào đấu tranh của quần chúng đã làm chính quyền Sài Gòn lung lay tận gốc rễ.

 Đến giữa 1965, ba chổ dựa chủ yếu của chiến tranh đặc biệt bị lung lay tận gốc, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ bị phá sản.

 **d. Ý nghĩa:**

Cách mạng miền Nam luôn ở tư thế chủ động.Góp phần **l**àm thất bại âm mưu của Mỹ trong việc dùng miền Nam để thực hiện thí điểm một loại hình chiến tranh mới để đàn áp cách mạng thế giới

**3. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ**

(1965-1968).

 **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

 Đầu năm 1965 đứng tước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược Chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ dưới thời tổng thống Giôn-xơn đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam đồng thời gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

 Chiến tranh Cục bộlà một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu và quân đội Sài Gòn trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng, cộng với vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

 **b. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ":**

 Âm mưu: Đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, đàn áp và bình định cho được miền Nam, phá hoại miền Bắc đồng thời cứu nguy cho quân đội Sài Gòn.

 Thủ đoạn:

+ Ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đai vào miền Nam. Lúc đông nhất lên tới 1,5 triệu tên (1969)

+ Mở hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" miền Nam.

+ Dùng không quân và hải quân bắn phá miền Bắc.

So với chiến lược Chiến tranh cục bộ", chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" cũng là chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, nhằm biến miền Nam VN thành thuộc địa, căn cứ quân sự của Mĩ nhưng về quy mô và tính chất thì nó rộng lớn, ác liệt hơn nhiều...

 **c.** **Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ:**

 **- Trên mặt trận quân sự:**

 Dựa vào sức mạnh quân sự, ngay khi vừa đặt chân tới miền Nam Việt Nam, Mĩ đã mở ngay cuộc tấn công vào căn cứ của ta ở Vạn Tường- Quảng Ngãi (18/8/1965) với lực lượng mạnh (9.000 quân, trang bị hiện đại. Nhưng với tinh tinh thần chiến đấu anh dũng, quân dân Vạn Tường đã đẩy lùi cuộc tấn công của Mĩ. Chiến thắng Vạn Tường đã mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt" trên khắp miền Nam.

 Sau chiến thắng Vạn Tường, quân dân miền Nam đập tan hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" trong 2 mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 của quân đội đồng minh và quân đội Sài Gòn. Qua đó bẻ gãy gọng kìm tìm diệt của địch, đẩy địch vào thế phòng ngự, tạo điều kiện cho ta tiến lên tổng công kích, nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

 Bước vào năm 1968, trên cơ sở so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vào hầu khắp các đô thị trong dịp Tết Mậu Thân. Tuy sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân (1968) ta có những tổn thất, nhưng cuộc nổi dậy có ý nghĩa to lớn: làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận trở lại bàn đàm phán ở Pa-ri.

 **Trên mặt trận chống phá"bình định":** Phá tan từng mảng "ấp chiến lược", mở rộng vùng giải phóng.

 **Trên mặt trận đấu tranh chính trị:** ở hầu khắp các đô thị, giai cấp công nhân, học sinh, sinh viên, phật tử, thậm chí cả binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mĩ cút về nước, đòi tự do, dân chủ. Những cuộc đấu tranh đó làm cho uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao, làm khủng hoảng chính quyền Sài Gòn.

 **d.Ý nghĩa:**

 + Cách mạng miền Nam tiếp tục phát triển, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

 + Làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mỹ, làm thất bại chiến lược ''Chiến tranh Cục bộ'', của Mĩ, buộc Mĩ trở lại bàn đàm phán ở Pa ri để bàn về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

**4. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.** (1969-1973)

 **a.** **Hoàn cảnh lịch sử.**

 Do bị thất bại nặng nề trong chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Đế quốc Mỹ dưới thời tổng thống Ních-xơn chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh'' ở Việt Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh".

 Việt Nam hóa chiến tranhlà hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự hỗ trợ của một lực lượng chiến đấu Mỹ, do cố vấn Mỹ chỉ huy cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

**b. Âm mưu và thủ đoạn:**

 **- Âm mưu:** Tiếp tục thực hiện chính sách *“dùng người việt trị người Việt”*, tận dụng triệt để xương máu của người Việt Nam để giảm xương máu của người Mỹ trên chiến trường. Thay màu da trên xác chết.

 Xoa dịu dư luận của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược.

 **- Thủ đoạn:**

Sử dụng quân đội Sài Gòn làm lực lượng xung kích ở Đông Dương, tiến hành xâm lược Lào và Cam-pu-chia nhằm thực hiện mưu đồ "Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương", mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành hoạt động ngoại giao để cô lập cách mạng miền Nam.

**c. Những diến biến chính:**

+ Ngày 6/6/1969: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời đã được 23 nước công nhận, trong đó 21 nước đặt quan hệ ngoại giao. Đây là một thắng lợi không nhỏ trong cuộc chiến chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh'' của Mĩ.

+ Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Đây là một tổn thất to lớn của cách mạng nước ta. Nhưng với quyết tâm thực hiện di trúc của Người, nhân dân hai miền đã biến đau thương thành hành động cách mạng.

+ Tháng 4/1970: Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương được triệu tập thể hiện sự đoàn kết chiến đấu của ba nước trong chống kẻ thù chung.

+ Cuối tháng 6 năm 1970 đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn.

+ Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 1719" trên đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn (3/1971).

+ Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, học sinh, sinh viên cũng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở Huế Đà Nẵng, Sài Gòn.

+ Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, quần chúng nổi dậy chống phá "bình định", phá "ấp chiến lược" của địch.

+ Đặc biệt, với cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và trận "Điện Biên phủ trên không'' (18 đến 29/12/1972) ta đã tạo lờn bước ngoặt của chiến tranh.

 **d. Ý nghĩa.**

- Giáng một đòn nặng nề vào ngụy quân và quốc sách bình định của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, tạo ra bước ngoặc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ.

 - Buộc Mỹ phải tuyên bố Mỹ hóa trở lại cuộc chiến tranh, tức là thừa nhận sự thất bại của chiến lược ''Việt Nam hóa chiến tranh''.

**B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG - NÂNG CAO**

1. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ và Nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền:

**\* Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ:**

+ Chiến tranh chấm dứt, hoà bình được lập lại, miền Bắc được giải phóng.

+ Phá phá hoại Hiệp định, Mĩ tìm cách nhảy vào thế Pháp ở miền Nam, thành lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm với âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Như vậy, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

**\* Nhiệm vụ tiếp theo của cách mạng mỗi miền:**

+ Miền Bắc: tiến hành xây dựng CNXH, làm hậu phương cho CMMN.

+ Miền Nam: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, tự do, dân chủ, hoà bình.....

+ Nhiệm vụ chung: xây dựng miền Bắc vững mạnh, đấu tranh đòi hoà bình, độc lập, dân chủ trong cả nước, tiến tới tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước.

2. Điểm giống và khác nhau giữa hai chiến lược ''Chiến tranh cục bộ'' và "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam.

 - Giống nhau:

 + Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mĩ, nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

 + Đều thực hiện âm mưu chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

 - Khác nhau:

 + Quy mô chiến tranh: "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, còn "Chiến tranh cục bộ" mở rộng ra cả hai miền Nam - Bắc.

 + Tính chất: "Chiến tranh cục bộ" ác liệt hơn, thể hiện ở mục tiêu, lực lượng tham chiến, vũ khí, hoả lực, phương tiện chiến tranh.

 + "Chiến tranh đặc biệt được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm thực hiện mưu đồ cơ bản là ''Dùng người Việt đánh người Việt'', ''Thay màu ra cho xác chết''. Chúng mở nhiều cuộc hành quân càn quét, mục tiêu là chống phá cách mạng và bình định miền Nam. Chúng coi ''ấp chiến lược" là ''quốc sách'' nhằm tách cách mạng ra khỏi dân để thực hiện cái gọi là ''tát nước bắt cá''.

 + "Chiến tranh cục bộ", mục tiêu là vừa tiêu diệt quân chủ lực vừa bình định miền Nam, phá hoại miền Bắc. Lực lượng tham chiến đông, gồm cả Mĩ, quân đội đồng minh, quân đội Sài Gòn, trong đó quân Mĩ đóng vai trò chủ yếu và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị. Chúng sử dụng cả vũ khí hiện đại, hoả lực mạnh cả trên bộ, trên không, trên không, trên bộ, trên biển, tốc độ nhanh và mở liên tục nhiều chiến dịch nhằm tìm diệt và bình định vào đất thánh Việt cộng.

**II. CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

1. Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của phong trào ''Đồng khởi''?

 - Mục 1 - phần kiến thức trọng tâm.

1. Thế nào là ''Chiến tranh đặc biệt''? ''Chiến tranh đặc biệt'' được Mĩ thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào? Cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ?

 - Phần a, b mục 2 - phần kiến thức trọng tâm.

1. Quân dân miền Nam đấu tranh chống chiến lược ''Chiến tranh đặc biệt'' như thế nào?

 - Phần c, d mục 2 - phần kiến thức trọng tam.

1. Thế nào là ''Chiến tranh cục bộ''? ''Chiến tranh cục bộ'' được Mĩ thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào? Cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ?

 - Phần a, b mục 3 - phần kiến thức trọng tâm.

1. Quân dân miền Nam đấu tranh chống chiến lược ''Chiến tranh cục bộ'' như thế nào?

 - Phần c, d mục 3 - phần kiến thức trọng tõm.

1. Thế nào là ''Việt Nam hoá chiến tranh''? ''Việt Nam hoá chiến tranh'' được Mĩ thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào? Cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ?

 - Phần a, b mục 4- phần kiến thức trọng tõm.

1. Quân dân miền Nam đấu tranh chống chiến lược ''Việt Nam hoá chiến tranh'' như thế nào?

 - Phần c, d mục 4 - phần kiến thức trọng tâm.

**1. Sự khác nhau trong mục tiêu đấu tranh của các nước châu Á, châu Phi khác Mỹ La-tinh? Vì sao có sự khác nhau đó?**

***Mục tiêu đấu tranh của các nước châu Á, châu Phi khác Mỹ La-tinh:***

 + Châu Á, châu Phi là đánh đổ đế quốc nhằm giành lại độc lập cho dân tộc.

 + Châu Mỹ La-tinh là đấu tranh để thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ và các thế lực đế quốc.

***Nguyên nhân:***

 + Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Á, châu Phi vẫn là các nước thuộc địa, nửa thuộc địa của CNĐQ thực dân, mất độc lập, vì vậy mục tiêu đấu tranh là đánh đổ đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc.

 + Còn các nước châu Mỹ La-tinh, ngay sau khi giành được độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha thì lại rơi vào vòng lệ thuộc của đế quốc Mĩ, bị Mĩ biến thành "sân sau" và lệ thuộc vào các thế lực đế quốc. Vì vậy mục tiêu đấu tranh là thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ và các thế lực đế quốc.

**2. Những biến đổi của các nước ĐNA sau chiến tranh thế giới thứ hai.**

 ***Những biến đổi của ĐNÁ sau chiến tranh thế giới thứ hai:***

 + Biến đổi thứ nhất: cho đến nay, các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.

 + Biến đổi thứ hai: từ khi giành được được độc lập dân tộc, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng kinh tế - xã hội và đạt nhiều thành tích to lớn, như Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po. Đặc biệt, Xin-ga-po trở thành nước phát triển nhất trong các nước Đông Nam Á và được xếp vào hàng các nước phát triển nhất thế giới.

 + Biến đổi thứ ba: cho đến nay, các nước Đông Nam Á đều gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN. Đây là một tổ chức liên minh chính trị - kinh tế của khu vực Đông Nam Á nhằm mục tiêu xây dựng những mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.

 ***Trong ba biến đổi trên, biến đổi thứ nhất là biến đổi quan trọng nhất, bởi vì:***

 + Từ thân phận là các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, phụ thuộc trở thành những nước độc lập…

 + Nhờ có biến đổi đó, các nước Đông Nam Á mới có những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển về kinh tế, xã hội của mình ngày càng phồn vinh.

**3. Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN) được thành lập vào thời gian nào? Việt Nam gia nhập tổ chức này khi nào? Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập tổ chức này?**

 Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các nước ĐNA ( ASEAN ) được thành lập tại thủ đô Băng Cốc - Thái Lan với sự tham gia sáng lập của năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

 Ngày 28/7/1995, Việt Nam ra nhập tổ chức này.

 **Cơ hội của Việt Nam khi gia nhập ASEAN:** Tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển tiến bộ, khắc phục được khoảng cách giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; Hàng hoá Việt Nam có cơ hội xâm nhập thị trường các nước ĐNA và thị trường thế giới; Việt Nam có điều kiện tiếp thu công nghệ mới và cách thức quản lý mới.

 **Thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN:** Nếu Việt Nam không bắt kịp được với các nước trong khu vực sẽ có nguy cơ bị tụt hậu xa hơn về kinh tế; Có điều kiện hoà nhập với thế giới về mọi mặt nhưng rễ bị hoà tan nếu như không giữ được bản sắc dân tộc.

**4. Tại sao có thể nói: Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, "một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á"?**

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á là vì:

Từ đầu những năm 90, tình hình chính trị của khu vực có nhiều cải thiện rõ rệt, xu hướng mới là mở rộng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. Đến tháng 4- 1999, 10 nước ĐNA đều là thành viên của tổ chức ASEAN. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử khu vực, 10 nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất.

 Trên cơ sở đó, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, quyết định biến Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do (AFTA), lập diễn đàn khu vực(ARF) nhằm tạo một môi trường hoà bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của Đông Nam Á.

 Như vậy, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á.

6. Bảng thống kê thời gian giành độc lập và gia nhập ASEAN của các nước ĐNA.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nước** | **Thủ đô** | **Là thuộc địa của thực dân** | **Năm giành độc lập** | **Năm gia nhập ASEAN** |
| 1 | Việt Nam | Hà Nội | Pháp |  2 - 9 - 1945 |  28/7 - 1995 |
| 2 | Lào | Viêng Chăn | Pháp | 12 - 10 - 1945 |  7 - 1997 |
| 3 | Cam-pu-chia | Phnôm Pênh | Pháp |  7 - 1 - 1979 |  4 - 1999 |
| 4 | Thái Lan | Băng Cốc |  |  1927 |  8 - 8 - 1967 |
| 5 | Mi-an-ma | Y-an-gun | Anh |  1 - 1948 |  7 - 1997 |
| 6 | Ma-lai-xi-a | Cua-la Lăm-pơ | Anh |  8 - 1957 |  8 - 8 - 1967 |
| 7 | In-đô-nê-xi-a | Gia-các-ta | Hà Lan |  17 - 8 - 1945 |  8 - 8 - 1967 |
| 8 | Xin-ga-po | Xin-ga-po | Anh |  1963 |  8 - 8 - 1967 |
| 9 | Bru-nây | Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oan | Anh |  1984 |  1984 |
| 10 | Phi-líp-pin | Ma-ni-la | TBN-> Mĩ |  7 - 1946 |  8 - 8 - 1967 |

=============================================

**Khi làm bài học sinh cần chú ý một số điểm như sau:**

 - Mỗi sự kiện hoặc quá trình lịch sử đều gắn với một hoàn cảnh nhất định, tức là nó chịu sự chi phối của những điều kiện cụ thể.

 - Các sự kiện, các khía cạnh của mỗi sự kiện hoặc quá trình lịch sử không diễn ra độc lập bên cạnh nhau, hoặc kế tiếp nhau, mà có liên quan với nhau trong không gian và thời gian nhất định.

 - Một sự kiện lịch sử cụ thể diễn ra trong một thời điểm, nhưng cũng có thể diễn ra trong một khoảng thời gian dài, được trình bày trong những bài khác nhau của SGK.

 - Mỗi sự kiện lịch sử đều có nguyên nhân, nội dung, kết quả, ý nghĩa riêng. Có sự kiện bao gồm một nội dung, nhưng cũng có những nội dung bao gồm nhiều sự kiện.

 - Học sinh cần nói lại, hoặc viết ra giấy nội dung trả lời, không nên chỉ hình dung đại khái trong đầu. Khi viết, không được sử dụng tài liệu. Sau khi viết cần so sánh với các tài liệu để bổ sung những chỗ sai sót. Nếu sai sót nhiều thi cần học lại và viết lại.

 Điều đáng chú ý là học sinh không bắt buộc phải trình bày mọi vấn đề lịch sử một cách máy móc, giống từng câu, từng chữ như SGK, mà có thể thay đổi câu chữ và bố cục, miễn là đảm bảo đúng nội dung. Mặt khác, có thể trình bày cả những kiến thức không có trong SGK .Tuy nhiên kiến thức đó phải có mối quan hệ chặt chẽ với phần kiến cần phân tích ,chứng minh,so sánh …

 PGS.TS Vũ Quang Hiển cho biết,nhiều người cho rằng môn lịch sử là môn chỉ cần học thuộc lòng như sách giáo khoa là có thể đáp ứng được mọi kỳ thi. Điều đó hoàn toàn sai lầm. Nếu vậy, người học chi cần mua SGK về học thuộc tại nhà, mà không cần tới trường.

 “Học vẹt” là một hiện tượng cần chống trong toàn bộ quá trình dạy và học, cũng như trong kiểm tra, đánh giá. Hình thức kiểm tra, đánh giá đang hướng về chống học vẹt, đòi hỏi sự thông hiểu và vận dụng kiến thức, tức là biết lựa chọn, phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá các sự kiện và quá trình lịch sử.

 **4. Kĩ năng làm bài hiệu quả:**

 1. Phân tích câu hỏi trong đề thi. Phải đọc hết và hiểu chính xác từng chữ trong câu hỏi. Một câu hỏi chặt chẽ sẽ không có từ nào là “thừa”. Đọc kỹ câu hỏi để xác định thời gian, không gian, nội dung lịch sử và yêu cầu của câu hỏi (trình bày, so sánh, giải thích, phân tích, đánh giá...)

 2. Phân bố thời gian cho hợp lý. Hãy căn cứ vào điểm số của từng câu mà tính thời gian, mỗi điểm khoảng 15 phút là phù hợp.

 3. Lập dàn ý. Hãy coi mỗi câu hỏi như một bài viết ngắn, lập dàn ý, xác định những ý chính và trình tự của các ý. Sau đó hãy “mở bài”, đừng mất nhiều thời gian suy nghĩ về “mở bài”. Khi đó xác định đúng nội dung sẽ biết mở bài thế nào, và nên mở bài trực tiếp, ngắn gọn. Sau khi viết hết nội dung, khắc sẽ biết kết luận. Đừng nghĩ trước kết luận, và cũng chỉ nên kết luận thật ngắn gọn.

 4. Về hình thức, không phải ai cũng viết được chữ đẹp, câu hay, nhưng hãy cố gắng viết cho rõ ràng, đúng câu, đúng chính tả, đừng dùng từ sáo rỗng, dài dòng, đừng viết tắt. Hãy luôn nhớ: Đúng, đủ, rõ ràng, thế là tốt; lời văn giản dị, thế đó là hay.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**4. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.**

 **a. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.**

 **\* Hoàn cảnh.**

Sau Hiệp định Pari tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng: Mĩ và quân đồng minh rút quân về nước, quân đội Sài Gòn mất chỗ dựa, viện trở Mĩ giảm mạnh. Về phía ta, miền Bắc đẩy mạnh sản xuất, tăng chi viện cho miền Nam. ở miền Nam, vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất được đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

 \* **Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.**

Trên cơ sở dự đoán thời cơ, Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, nhưng lại nhấn mạnh "cả năm 1975 là thời cơ" và chỉ rừ "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thỡ lập tức giải phúng miền Nam trong năm 1975". Bộ Chính trị nhấn mạnh cần tranh thủ thời cơ đánh nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

 **b. Những Diễn biến chớnh của cuộc Tổng tiến cụng và nổi dậy Xuõn 1975:**

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra trong gần hai tháng (từ ngày 4/3 đến ngày 2/5/1975) qua ba chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào thành phố Sài Gòn.

**\* Chiến dich Tây Nguyên.** (***Từ ngày 4/3 đến ngày 24/3/1975***)

Tây Nguyên là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng. Từ Tây Nguyên có thể tỏa xuống các tỉnh ven biển miền Trung, và Nam Bộ. Vì vậy, ta đánh Tây Nguyên, then chốt là Buôn Ma Thuột, vì lực lượng của địch ở đây tương đối yếu.

+ Đầu tháng 3/1975 ta đánh nghi binh ở Plâyku, Kom Tum, đồng thời bí mật bao vây Buôn Ma Thuột.

+ 10/3/1975, ta bất ngờ tấn công Buôn Ma Thuột và giành thắng lợi nhanh chúng.

+ 14/3/1975, địch rút chạy khỏi Tây Nguyên về giữ miền duyên hải miền Trung.

+ Ngày 24/3/1975, ta giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên đó mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ chuyển sang một thời kỳ mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

**\* Chiến dich Huế - Đà Nẵng** ( từ ngày 21/3 đến ngày 29/3/1975)

Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên Đang tiếp diễn, Bộ Chính trị quyết định thực hiện kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên là giải phóng Huế - Đà Nẵng.

+ Ngày 21/3 ta tấn công Huế, đến 10h30' ngày 25/3 ta giải phóng Huế.

+ Cùng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai... uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

+ Ngày 29/3: ta tấn công Đà Nẵng. 3 giờ chiều cùng ngày, Đà Nẵng được giải phóng.

Chiến thắng Huế -Đà Nẵng đã gây nên tâm lí tuyệt vọng của ngụy quân đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

**\* Chiến dịch Hồ Chớ Minh Lịch sử:**

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định tập trung tất cả sức người và sức của để tiến lên giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên " Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Trước khi chiến dịch bắt đầu, quân ta tấn công Xuân Lộc và Phan Rang - hai tuyến phòng thủ vòng ngoài bảo vệ Sài Gòn từ phía đông. Ngày 21/4/1975 quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy, bộ đội ta áp sát Sài Gòn. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, Dương Văn Minh lên thay.

17 giờ ngày 26/4/1975 ta nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh, năm cánh quân của ta cùng lúc tiến vào trung tâm Sài Gòn.

10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh độc lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Báo hiệu Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng.

Ngày 2/5/1975, địa phương cuối cùng(Châu Đốc - An Giang) được giải phóng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc thắng lợi.

**5.** **Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.**

 **a. Ý nghĩa lịch sử:**

 Đối với dân tộc: cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước kết thức thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất đất nước. Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên của chủ nghĩa xã hội.

 Đối với thế giới: Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

 **b. Nguyên nhân thắng lợi:**

 + Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam.

 + Nhân dân hai miền đoàn kết yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm với sự nghiệp giải phúng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

 + Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

 + Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

 + Nhờ có sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

1. Cho biết chủ trương và kế hoạch giải phóng miền Nam?

 - Phần a mục 5 - phần kiến thức trọng tâm.

1. Nêu những diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân năm 1975?

 - Nêu sơ qua mục a. Nêu toàn bộ mục b - phần kiến thức trọng tâm.

1. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

----------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề 6** | **Việt Nam thời kì đổi mới** |

**1. Vì sao phải đổi mới?**

 Qua 10 năm thực hiện cách mạng XHCN (1976 - 1975), bên cạnh những thành tựu đạt được, đất nước vẫn gặp nhiều khó khăn và yếu kém, đất nước dơi vào khủng hoảng.

 Trước sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, những sự thay đổi của tình hình thế giới, nhất là sự khủng hoảng ở Liên Xô.

 => Yêu cầu: Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới đất nước.

**2. Nội dung đường nối đổi mới.**

 Đường nối đổi mới được Đảng đề ra đầu tiên tại Đại hội Đảng VI (12/1986), sau đó được phát triển qua các Đại hội Đảng VII (6/1991), VIII (6/1996), IX (4/2001). Nội dung cơ bản là:

 Đổi mới đất nước đi lên CNXH không phải là làm thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về CNXH với những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

 Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế, chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

**3. Thành tựu sau 15 năm đổi mới. (1986 - 2000)**

 - Trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới với 3 kế hoạch 5 năm 1986-1990; 1991-1995; 1996-2000, nhân dân ta đó đạt được nhiều thành tựu về mọi mặt:

 + Tăng cường sức mạnh tổng hợp - làm thay đổi bộ mặt đất nước và cuộc sống của nhân dân.

 + Củng cố độc lập dân tộc và chế độ XHCN

 + Nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

 - Khó khăn, yếu kém sau 15 năm đổi mới:

 + Kinh tế phát triển chưa vững chắc, chưa có hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

 + Một số vấn đề xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.

 + Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức của một số bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

 Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân không ngừng phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa để vươn tới những mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văm minh theo định hướng XHCN.

------------------------------------------------------------------------

**Đạt điểm cao môn Lịch sử: Rất dễ!**

 **- PGS.TS Vũ Quang Hiển - Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV (ĐH Quốc gia Hà Nội) cho biết, để đạt được điểm cao môn Lịch sử rất dễ nếu thí sinh luôn tự đặt và trả lời 3 câu hỏi sau.**

 *Thứ nhất*: “... như thế nào?” (trình bày, nêu, khái quát, tóm tắt)

 *Thứ hai:* “Tại sao?” (giải thích)

 *Thứ ba:* “Phân tích” (vừa trình bày, vừa giải thích, chứng minh, so sánh, đánh giá,..)

**Khi làm bài học sinh cần chú ý một số điểm như sau:**

 - Mỗi sự kiện hoặc quá trình lịch sử đều gắn với một hoàn cảnh nhất định, tức là nó chịu sự chi phối của những điều kiện cụ thể.

 - Các sự kiện, các khía cạnh của mỗi sự kiện hoặc quá trình lịch sử không diễn ra độc lập bên cạnh nhau, hoặc kế tiếp nhau, mà có liên quan với nhau trong không gian và thời gian nhất định.

 - Một sự kiện lịch sử cụ thể diễn ra trong một thời điểm, nhưng cũng có thể diễn ra trong một khoảng thời gian dài, được trình bày trong những bài khác nhau của SGK.

 - Mỗi sự kiện lịch sử đều có nguyên nhân, nội dung, kết quả, ý nghĩa riêng. Có sự kiện bao gồm một nội dung, nhưng cũng có những nội dung bao gồm nhiều sự kiện.

 - Học sinh cần nói lại, hoặc viết ra giấy nội dung trả lời, không nên chỉ hình dung đại khái trong đầu. Khi viết, không được sử dụng tài liệu. Sau khi viết cần so sánh với các tài liệu để bổ sung những chỗ sai sót. Nếu sai sót nhiều thi cần học lại và viết lại.

 Điều đáng chú ý là học sinh không bắt buộc phải trình bày mọi vấn đề lịch sử một cách máy móc, giống từng câu, từng chữ như SGK, mà có thể thay đổi câu chữ và bố cục, miễn là đảm bảo đúng nội dung. Mặt khác, có thể trình bày cả những kiến thức không có trong SGK .Tuy nhiên kiến thức đó phải có mối quan hệ chặt chẽ với phần kiến cần phân tích ,chứng minh,so sánh …

 PGS.TS Vũ Quang Hiển cho biết,nhiều người cho rằng môn lịch sử là môn chỉ cần học thuộc lòng như sách giáo khoa là có thể đáp ứng được mọi kỳ thi. Điều đó hoàn toàn sai lầm. Nếu vậy, người học chi cần mua SGK về học thuộc tại nhà, mà không cần tới trường.

 “Học vẹt” là một hiện tượng cần chống trong toàn bộ quá trình dạy và học, cũng như trong kiểm tra, đánh giá. Hình thức kiểm tra, đánh giá đang hướng về chống học vẹt, đòi hỏi sự thông hiểu và vận dụng kiến thức, tức là biết lựa chọn, phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá các sự kiện và quá trình lịch sử.

 **4 kỹ năng làm bài hiệu quả:**

 1. Phân tích câu hỏi trong đề thi. Phải đọc hết và hiểu chính xác từng chữ trong câu hỏi. Một câu hỏi chặt chẽ sẽ không có từ nào là “thừa”. Đọc kỹ câu hỏi để xác định thời gian, không gian, nội dung lịch sử và yêu cầu của câu hỏi (trình bày, so sánh, giải thích, phân tích, đánh giá...)

 2. Phân bố thời gian cho hợp lý. Hãy căn cứ vào điểm số của từng câu mà tính thời gian, mỗi điểm khoảng 15 phút là phù hợp.

 3. Lập dàn ý. Hãy coi mỗi câu hỏi như một bài viết ngắn, lập dàn ý, xác định những ý chính và trình tự của các ý. Sau đó hãy “mở bài”, đừng mất nhiều thời gian suy nghĩ về “mở bài”. Khi đó xác định đúng nội dung sẽ biết mở bài thế nào, và nên mở bài trực tiếp, ngắn gọn. Sau khi viết hết nội dung, khắc sẽ biết kết luận. Đừng nghĩ trước kết luận, và cũng chỉ nên kết luận thật ngắn gọn.

 4. Về hình thức, không phải ai cũng viết được chữ đẹp, câu hay, nhưng hãy cố gắng viết cho rõ ràng, đúng câu, đúng chính tả, đừng dùng từ sáo rỗng, dài dòng, đừng viết tắt. Hãy luôn nhớ: Đúng, đủ, rõ ràng, thế là tốt; lời văn giản dị, thế đó là hay.

 **Phạm Sang (St)**

**B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG - NÂNG CAO.**

 **1. Sự khác nhau trong mục tiêu đấu tranh của các nước châu Á, châu Phi khác Mỹ La-tinh? Vì sao có sự khác nhau đó?**

***Mục tiêu đấu tranh của các nước châu Á, châu Phi khác Mỹ La-tinh:***

 + Châu Á, châu Phi là đánh đổ đế quốc nhằm giành lại độc lập cho dân tộc.

 + Châu Mỹ La-tinh là đấu tranh để thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ và các thế lực đế quốc.

***Nguyên nhân:***

 + Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Á, châu Phi vẫn là các nước thuộc địa, nửa thuộc địa của CNĐQ thực dân, mất độc lập, vì vậy mục tiêu đấu tranh là đánh đổ đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc.

 + Còn các nước châu Mỹ La-tinh, ngay sau khi giành được độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha thì lại rơi vào vòng lệ thuộc của đế quốc Mĩ, bị Mĩ biến thành "sân sau" và lệ thuộc vào các thế lực đế quốc. Vì vậy mục tiêu đấu tranh là thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ và các thế lực đế quốc.

**2. Những biến đổi của các nước ĐNA sau chiến tranh thế giới thứ hai.**

 ***Những biến đổi của ĐNÁ sau chiến tranh thế giới thứ hai:***

 + Biến đổi thứ nhất: cho đến nay, các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.

 + Biến đổi thứ hai: từ khi giành được được độc lập dân tộc, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng kinh tế - xã hội và đạt nhiều thành tích to lớn, như Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po. Đặc biệt, Xin-ga-po trở thành nước phát triển nhất trong các nước Đông Nam Á và được xếp vào hàng các nước phát triển nhất thế giới.

 + Biến đổi thứ ba: cho đến nay, các nước Đông Nam Á đều gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN. Đây là một tổ chức liên minh chính trị - kinh tế của khu vực Đông Nam Á nhằm mục tiêu xây dựng những mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.

 ***Trong ba biến đổi trên, biến đổi thứ nhất là biến đổi quan trọng nhất, bởi vì:***

 + Từ thân phận là các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, phụ thuộc trở thành những nước độc lập…

 + Nhờ có biến đổi đó, các nước Đông Nam Á mới có những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển về kinh tế, xã hội của mình ngày càng phồn vinh.

**3. Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN) được thành lập vào thời gian nào? Việt Nam gia nhập tổ chức này khi nào? Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập tổ chức này?**

 Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các nước ĐNA ( ASEAN ) được thành lập tại thủ đô Băng Cốc - Thái Lan với sự tham gia sáng lập của năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

 Ngày 28/7/1995, Việt Nam ra nhập tổ chức này.

 **Cơ hội của Việt Nam khi gia nhập ASEAN:** Tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển tiến bộ, khắc phục được khoảng cách giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; Hàng hoá Việt Nam có cơ hội xâm nhập thị trường các nước ĐNA và thị trường thế giới; Việt Nam có điều kiện tiếp thu công nghệ mới và cách thức quản lý mới.

 **Thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN:** Nếu Việt Nam không bắt kịp được với các nước trong khu vực sẽ có nguy cơ bị tụt hậu xa hơn về kinh tế; Có điều kiện hoà nhập với thế giới về mọi mặt nhưng rễ bị hoà tan nếu như không giữ được bản sắc dân tộc.

**4. Tại sao có thể nói: Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, "một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á"?**

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á là vì:

Từ đầu những năm 90, tình hình chính trị của khu vực có nhiều cải thiện rõ rệt, xu hướng mới là mở rộng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. Đến tháng 4- 1999, 10 nước ĐNA đều là thành viên của tổ chức ASEAN. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử khu vực, 10 nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất.

 Trên cơ sở đó, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, quyết định biến Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do (AFTA), lập diễn đàn khu vực(ARF) nhằm tạo một môi trường hoà bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của Đông Nam Á.

 Như vậy, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á.

6. Bảng thống kê thời gian giành độc lập và gia nhập ASEAN của các nước ĐNA.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nước** | **Thủ đô** | **Là thuộc địa của thực dân** | **Năm giành độc lập** | **Năm gia nhập ASEAN** |
| 1 | Việt Nam | Hà Nội | Pháp |  2 - 9 - 1945 |  28/7 - 1995 |
| 2 | Lào | Viêng Chăn | Pháp | 12 - 10 - 1945 |  7 - 1997 |
| 3 | Cam-pu-chia | Phnôm Pênh | Pháp |  7 - 1 - 1979 |  4 - 1999 |
| 4 | Thái Lan | Băng Cốc |  |  1927 |  8 - 8 - 1967 |
| 5 | Mi-an-ma | Y-an-gun | Anh |  1 - 1948 |  7 - 1997 |
| 6 | Ma-lai-xi-a | Cua-la Lăm-pơ | Anh |  8 - 1957 |  8 - 8 - 1967 |
| 7 | In-đô-nê-xi-a | Gia-các-ta | Hà Lan |  17 - 8 - 1945 |  8 - 8 - 1967 |
| 8 | Xin-ga-po | Xin-ga-po | Anh |  1963 |  8 - 8 - 1967 |
| 9 | Bru-nây | Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oan | Anh |  1984 |  1984 |
| 10 | Phi-líp-pin | Ma-ni-la | TBN-> Mĩ |  7 - 1946 |  8 - 8 - 1967 |
| 11 | Đông Ti-mo | Đi-li | Bồ Đào Nha |  5 - 2002 |  |

 The end.

LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

**Câu 1** :

***Hãy kể tên các di tích quốc gia đặc biệt của Quảng Ninh ?***

Trả lời :

Quảng ninh có 4 di tích Quốc gia đặc biệt

1. Vịnh Hạ Long (Ở thành phố Hạ Long)
2. Di tích – danh thắng Chùa Yên Tử (ở thành phố Uông Bí)
3. Khu di tích nhà Trần ở Đền An Sinh Đông Triều
4. Khu di tích Bãi cọc bạch Đằng (Thị xã Quảng Yên)

 **Câu 2** :

***Nêu những hiểu biết của em về Hoàng đế Trần Nhân Tông ?***

Trả lời :

 Hoàng đế Trần Nhân Tông tên thật là Trần Khâm (Phật Kim Nhật Tông). Ông sinh ngày 11-11- 1258, là con trai đầu của vua Trần Thánh Tông. Tục truyền lúc mới sinh có thần khí tươi sáng, tướng mạo khác thường nên được vua cha yêu mến gọi là Phật Kim. Ông là người thông minh, ham đọc sách, hiểu biết sâu rộng và giàu lòng nhân ái.

 Năm 1288, quân Nguyên sang xâm lược nước ta, vua Trần Nhân Tông đã lãnh đạo các tướng lĩnh, quân và dân Đại Việt đã đánh tan quân Nguyên làm lên chiến thăng Bạch Đằng tháng 4 - 1288

 Ông ở ngôi báu 14 năm và làm Thái thượng hoàng 5 năm, đến năm 1300 ông đi tu ở Chùa Yên Tử và sáng lập Thiền Phái Trúc Lâm – thiền phái phật giáo đầu tiên của Việt Nam và xây dựng chùa Yên Tử thành trung tâm văn hóa Phật giáo của cả nước. Ông mất năm 3-11- 1308 (thọ 51 tuổi).

Câu 3 :

***Sinh thời Bác Hồ mấy lần về thăm Quảng Ninh ? Hãy kể tên những lần đó. Nơi nào ở Quảng Ninh được Bác Hồ cho phép dựng tượng Bác khi còn sống ?***

Trả lời :

 Bác Hồ 9 lần về thăm Quảng Ninh

 1. **Lần thứ nhất** (24/3/2946).

 Bác tới để hội đàm với cao ủy Pháp tại Đông Dương về việc Pháp ngừng bắn trao trả độc lập cho nước ta.

 2. **Lần thứ hai** ( từ 3 đến 5/10 1957)

 Bác nghỉ ở Bãi Cháy, nói chuyện với nhân dân thị xã Hòn Gai, thăm Vịnh Hạ Long và thăm hang Đầu Gỗ.

 3. **Lần thứ ba** ( từ 29 đến 31/3/1959)

 Bác thăm Vịnh Hạ Long, thăm trung đoàn 244, bác kéo lưới với ngư dân và nghỉ trưa ở đảo Rều. Bác thăm mỏ Đèo Nai, đảo Tuần Châu...

 4. **Lần thứ tư** (Từ 19 đến 20/2/1960)

 Bác thăm tỉnh Hải Ninh, thăm trường cấp I. II Móng Cái, thăm nhà trẻ Đông Hưng Trung Quốc, nói chuyện với nhân dân tại sân vận động Móng Cái...

 5. **Lần thứ năm** (Từ 8-9/5/1961)

 Bác thăm đảo Cô Tô, thăm trung đoàn 248, kéo lưới với nhân dân Trà Cổ, nói chuyện với nhân dân Cô Tô...

 6. **Lần thứ sáu** ( từ 21- 22/1/1962)

 Bác cùng anh hùng vũ trụ Liên Xô Ghéc - man Ti -Tốp thăm Vịnh Hạ Long. Bác nói chuyện tại cuộc mit tinh tại Hòn Gai.

 7. **Lần thứ bảy** (ngày 13/11/1962)

 Bác thăm căn cứ Hải quân tại đảo Vạn Hoa

 8. **Lần thứ tám** (23/11/1963)

 Bác về thăm đảo tuần Châu

 9. **Lần thứ 9** (Tết Ất Tỵ 2/2/1965)

 Bác vui Tết với nhân dân Quảng Ninh, thăm trường cấp I Hồng Thái huyện Đông Triều. Mồng Một Tết bác nói chuyện với đồng bào tại trường cấp III Hòn Gai...

 **Nơi duy nhất được dựng tượng đài Bác khi Bác còn sống** là Đảo Cô Tô. Tượng được khánh thành vào ngày 22/5/1968. Tượng có chiều cao 4,5m , cả bệ cao 9m, nằm cách bờ biển 100m

 ................................................................

Câu 4:

***Hãy nêu những hiểu biết của em về DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VINH HẠ LONG .*** ***Nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta với Vịnh Hạ Long.***

 Trả lời

Câu 3

***Hãy nêu những hiểu biết của em về di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Yên tử.***

 ***.*** ***Nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta với di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Yên tử.***

 Trả lời

Tự hào về di tích lịch sử quốc gia đặc biệt về tôn giáo ở quê hương mình.

. Là một người con của quê hương Quảng ninh em nghĩ mình lên có trách nhiệm tham gia bào tồn giữ gìn cảnh quan của khu di tích luôn được sạch đẹp . Dâng hương tưởng nhớ vị vua Trần Nhân Tôngvới tấm lòng biết ơn sâu sắc với công lao to lớn của ông đối với dân tộc Việt Nam – Người có công lãnh đạo cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược và sáng lập lên triền phái Trúc Lâm Tam Tổ của Đại Việt duy trì bảo tồn đến nay và mãi mãi trong tương lai.

Tuyên truyền quảng bá rộng rãi cho bạn bè trong nước và Quốc tế được biết đến khu di tích lịch sử Lịch sử tôn giáo – trung tâm Phật giáo của nước ta là một địa chỉ đáng đến trong hành trình du lịch tâm linh của Việt Nam.